

Số: /QĐ-BNNMT Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm 2025 (Danh mục văn bản kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo, Công thông tin điện tử CP (để đăng tải);
- Bộ NN&MT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng; các đơn vị thuộc Bộ; Công Thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, PC (Huongntt).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Văn Hưng

DANH MỤC

Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, TẠM NGUNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2025

TT	Tên loại văn bản; cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH					
I.1. Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm					
1.	Nghị định của Chính phủ	Số 27/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024	Quy định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp	Được thay thế bởi Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16/8/2025 quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	16/8/2025
I.2. Lĩnh vực Quản lý Đê điều và Phòng, Chống thiên tai					
2.	Nghị định của Chính phủ	Số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017	Về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh	Được thay thế bởi Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật	25/02/2025

I.3. Lĩnh vực Quản lý đất đai

3.	Nghị định của Chính phủ	Số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019	Quy định về khung giá đất	Hết hiệu lực bởi điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
4.	Nghị định của Chính phủ	Số 26/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021	Quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế	Hết hiệu lực bởi điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025

I.4. Lĩnh vực Khí tượng thủy văn

5.	Nghị định của Chính phủ	Số 84/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ	Được bãi bỏ bởi điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 155/2024/NĐ-CP ngày 10/12/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	01/02/2025
----	-------------------------	---------------------------------	---	---	------------

I.5. Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản

6.	Nghị định của Chính phủ	Số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012	Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Hết hiệu lực thi hành bởi Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản	02/7/2025
7.	Nghị định của Chính phủ	Số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản	Hết hiệu lực thi hành bởi Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản	02/7/2025
8.	Nghị định của Chính phủ	Số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019	Quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Hết hiệu lực thi hành bởi Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp	02/7/2025

				thi hành Luật Địa chất và khoáng sản	
9.	Nghị định của Chính phủ	Số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020	Quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông	Hết hiệu lực thi hành bởi Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản	02/7/2025
10.	Nghị định của Chính phủ	Số 51/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021	Về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia	Hết hiệu lực thi hành bởi Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản	02/7/2025
11.	Nghị định của Chính phủ	Số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản	Hết hiệu lực thi hành bởi Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản	02/7/2025
12.	Nghị định của Chính phủ	Số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025	Quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV	Hết hiệu lực thi hành bởi Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản	02/7/2025

I.6. Lĩnh vực Môi trường

13.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Số 09/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020	Ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải	Hết hiệu lực thi hành bởi Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Quy chế ứng phó sự cố chất thải.	10/6/2025
-----	------------------------------------	----------------------------------	--	--	-----------

II. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG BAN HÀNH, LIÊN TỊCH BAN HÀNH

II.1. Lĩnh vực Kế hoạch - Tài chính

14.	Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 10/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 03/3/2015	Hướng dẫn chi tiết các mặt hàng thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện bình ổn giá và kê khai giá	Hết hiệu lực thi hành bởi Thông tư số 31/2025/TT-BNNMT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá, Danh mục thực hiện kê khai giá do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý.	18/08/2025
-----	---	--	---	---	------------

	và Bộ trưởng Bộ Tài chính				
II.2. Lĩnh vực Tổ chức cán bộ					
15.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 02/2023/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2023	Quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 16/2024/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.	06/01/2025
16.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 10/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2023	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 62/2025/TT-BNNMT ngày 31/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Môi trường.	31/10/2025
17.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 18/2023/TT-BTNMT ngày 15/11/2023	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong ngành Tài nguyên và Môi trường	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 62/2025/TT-BNNMT ngày 31/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Môi trường.	31/10/2025
II.3. Lĩnh vực Khoa học và công nghệ					
18.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển	Số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 07/4/2010	Công nhận tiên bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 01/2025/TT-BNNPTNT ngày 18/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành	08/4/2025

	nông thôn				
19.	Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Số 66/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHCHN ngày 28/12/2012	Hướng dẫn thực hiện một số điều Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 02/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm đặt hàng một số sản phẩm khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 01/2025/TT-BNNPTNT ngày 18/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành	08/4/2025
20.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 43/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/10/2013	Hướng dẫn thực hiện quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ, quản lý tài chính của nhiệm vụ khoa học công nghệ và công tác tổ chức cán bộ của các tổ chức khoa học công nghệ công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 01/2025/TT-BNNPTNT ngày 18/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành	08/4/2025
21.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 29/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/09/2014	Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 07/4/2010 về công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 01/2025/TT-BNNPTNT ngày 18/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành	08/4/2025
22.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ	Số 18/2015/TT BNNPTNT ngày	Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hết hiệu lực thi hành bởi Thông tư số 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/07/2025 quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ	01/9/2025

	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	24/4 /2015		của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
23.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 23/2021/TT-BNNPTNT ngày 31/ 12/ 2021	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý nhiệm vụ KHCN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;	Hết hiệu lực thi hành bởi Thông tư số 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/07/2025 quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	01/9/2025
24.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 08/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2015	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý nhiệm vụ KHCN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Hết hiệu lực thi hành bởi Thông tư số 43/2025/TT-BNNMT ngày 16/07/2025 quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	01/9/2025
II.4. Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm					
25.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018	Quy định về quản lý rừng bền vững	Hết hiệu lực bởi điểm a khoản 2 Điều 28 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
26.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển	Số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018	Quy định về phân định ranh giới rừng	Hết hiệu lực bởi điểm b khoản 2 Điều 28 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025

	nông thôn				
27.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018	Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng	Hết hiệu lực bởi điểm c khoản 2 Điều 28 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
28.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019	Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng	Hết hiệu lực bởi điểm d khoản 2 Điều 28 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
29.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2019	Quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước	Hết hiệu lực bởi điểm b khoản 3 Điều 33 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân	01/7/2025
30.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022	Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Hết hiệu lực bởi điểm đ khoản 2 Điều 28 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
31.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ	Số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày	Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	Hết hiệu lực bởi điểm a khoản 3 Điều 33 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 quy định về quản lý lâm	01/7/2025

	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30/11/2022		sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân	
32.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững	Hết hiệu lực bởi điểm e khoản 2 Điều 28 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
33.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng	Hết hiệu lực bởi điểm g khoản 2 Điều 28 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
34.	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 83/2007/QĐ-BNN ngày 04/10/2007	Về nhiệm vụ công chức Kiểm lâm địa bàn cấp xã	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 01/2025/TT-BNNPTNT ngày 18/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành	08/4/2025
35.	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 112/2008/QĐ-BNN ngày 19/11/2008	Định mức kinh tế - kỹ thuật giao rừng, cho thuê rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mục đích lâm nghiệp gắn với việc lập hồ sơ quản lý rừng	Hết hiệu lực bởi khoản 2 Điều 7 Thông tư số 58/2025/TT-BNNMT ngày 12/9/2025 quy định định mức kinh tế - kỹ thuật giao rừng, cho thuê rừng	27/11/2025

II.5. Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y

36.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016	Ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam	Hết hiệu lực thi hành bởi Thông tư số 18/2024/TT-BNNPTNT ngày 29/11/2024 ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	13/01/2025
-----	---	--------------------------------------	---	---	------------

II.6. Lĩnh vực Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai

37.	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 59/2002/QĐ-BNN ngày 03/7/2002	Về việc quy định mức nước thiết kế cho các tuyến đê thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 01/2025/TT-BNNPTNT ngày 18/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành	08/4/2025
-----	---	----------------------------------	--	---	-----------

II.7. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

38.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023	Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.	Hết hiệu lực thi hành bởi Thông tư số 25/2024/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.	30/01/2025
-----	---	---------------------------------------	--	---	------------

II.8. Lĩnh vực Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường

39.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022	Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Được thay thế bởi Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	15/01/2025
-----	---	---------------------------------------	--	---	------------

II.9. Lĩnh vực Môi trường và Biến đổi khí hậu

40.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010	Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường	Được bãi bỏ bởi điểm a, b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh (QCVN 26:2010/BTNMT-tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT-độ rung) và Điểm b, c khoản 3 Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế; QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu)	14/11/2025 28/02/2025
41.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 04/2023/TT-BTNMT ngày 06/7/2023	Quy định ngưng hiệu lực thi hành khoản 1 Điều 7 và khoản 2 Điều 75 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	28/02/2025
42.	Thông tư	Số 38/2024/TT-	Ngưng hiệu lực thi hành khoản 1 và	Hết hiệu lực thi hành bởi Thông tư số	01/8/2025

	của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	BTNMT ngày 25/12/2024	khoản 4 Điều 15 Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT	08/2025/TT-BNNMT ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2022/TT BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.	
II.10. Lĩnh vực Tài nguyên nước					
43.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	19/2013/TT-BTNMT ngày 18/7/2013	Quy định kỹ thuật quan trắc tài nguyên nước dưới đất	Hết hiệu lực bởi khoản 2 Điều 29 của Thông tư số 52/2025/TT-BNNMT ngày 25/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc tài nguyên nước và cảnh báo, dự báo nguồn nước	10/10/2025
44.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	01/2015/TT-BTNMT ngày 09/01/2015	Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật quan trắc và dự báo tài nguyên nước	Hết hiệu lực bởi khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 61/2025/TT-BNNMT ngày 17/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định định mức kinh tế - kỹ thuật quan trắc tài nguyên nước và cảnh báo, dự báo nguồn nước	03/12/2025
45.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021	Quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước	Hết hiệu lực bởi khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 64/2025/TT-BNNMT ngày 10/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định kỹ thuật về cấu trúc, chuẩn dữ liệu quốc gia về tài nguyên nước	26/12/2025
II.11. Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản					
46.	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 25/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007	Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên than	Được thay thế bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò	02/7/2025

	trường			khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản	
47.	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 26/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007	Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat	Được thay thế bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản	02/7/2025
48.	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 27/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007	Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên các mỏ bauxit	Được thay thế bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản	02/7/2025
49.	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 14/2008/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2008	Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên các mỏ sa khoáng thiếc, vàng và titan	Được thay thế bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản	02/7/2025
50.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 22/2009/TT-BTNMT ngày 11/11/2009	Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên các mỏ đá sét	Được thay thế bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò	02/7/2025

	trường			khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản	
51.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 33/2010/TT-BTNMT ngày 19/12/2010	Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên các mỏ quặng sắt	Được thay thế bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản	02/7/2025
52.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012	Quy định về điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Hết hiệu lực bởi Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản	02/7/2025
53.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014	Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng đầu giá quyền khai thác khoáng sản của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Hết hiệu lực bởi Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đầu giá quyền khai thác khoáng sản	02/7/2025
54.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ	Số 52/2014/TT-BTNMT ngày 09/9/2014	Quy định về phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên nước khoáng, nước nóng thiên nhiên	Được thay thế bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân	02/7/2025

	Tài nguyên và Môi trường			cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản	
55.	Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tài chính	Số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014	Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tài chính	Hết hiệu lực bởi Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản	02/7/2025
56.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 03/2015/TT-BTNMT ngày 13/02/2015	Quy định về thăm dò và phân cấp trữ lượng, cấp tài nguyên khoáng sản vàng gốc	Được thay thế bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản	02/7/2025
57.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 04/2015/TT-BTNMT ngày 13/02/2015	Quy định về thăm dò và phân cấp trữ lượng, cấp tài nguyên khoáng sản chì, kẽm	Được thay thế bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò	02/7/2025

				khoáng sản	
58.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 51/2015/TT-BTNMT ngày 26/11/2015	Hướng dẫn nội dung thanh tra chuyên ngành khoáng sản của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Hết hiệu lực bởi Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản	02/7/2025
59.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 73/2015/TT-BTNMT ngày 28/12/2015	Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đồng.	Được thay thế bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản	02/7/2025
60.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 74/2015/TT-BTNMT ngày 28/12/2015	Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản apatit.	Được thay thế bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản	02/7/2025
61.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/11/2016	Quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;	Được thay thế bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản	02/7/2025
62.	Thông tư	Số 45/2016/TT-	Quy định về Đề án thăm dò khoáng sản,	Hết hiệu lực bởi Thông tư số 36/2025/TT-	02/7/2025

	của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	BTNMT ngày 26/12/2016	đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản	
63.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017	Quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.	Hết hiệu lực bởi Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản	02/7/2025
64.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép	Hết hiệu lực bởi Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ	02/7/2025

			hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.	trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản	
65.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017	Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn.	Được thay thế bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản	02/7/2025
66.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 23/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018	Quy định về tổ chức xác định, thẩm định và phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do Nhà nước đã đầu tư.	Hết hiệu lực bởi Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản	02/7/2025
67.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ	Số 05/2020/TT-BTNMT ngày 31/8/2020	Quy định kỹ thuật về thăm dò, đánh giá trữ lượng đá khối sử dụng làm ốp lát và mỹ nghệ	Được thay thế bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân	02/7/2025

	Tài nguyên và Môi trường			cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản	
68.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24/12/2020	Quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế	Hết hiệu lực bởi Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản	02/7/2025
69.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 02/2024/TT-BTNMT ngày 22/4/2024	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp	Được thay thế bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản	02/7/2025
70.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 21/2024/TT-BTNMT ngày 21/11/2024	Quy định nội dung kỹ thuật của công tác điều tra, đánh giá tài nguyên và thăm dò khoáng sản đất hiếm phân đất liền	Được thay thế bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản	02/7/2025
71.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025	Quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV	Hết hiệu lực bởi Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản	02/7/2025

	trường				
II.12. Lĩnh vực Khí tượng thủy văn					
72.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 37/2016/TT-BTNMT ngày 15/12/2016	Quy định kỹ thuật đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng	Hết hiệu lực thi hành bởi Thông tư số 51/2025/TT-BNNMT ngày 28/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định kỹ thuật đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng	08/10/2025
73.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 38/2016/TT-BTNMT ngày 15/12/2016	Quy định kỹ thuật đánh giá chất lượng tài liệu thủy văn	Hết hiệu lực thi hành bởi Thông tư số 65/2025/TT-BNNMT ngày 12/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định kỹ thuật đánh giá chất lượng tài liệu thủy văn	29/12/2025
74.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 41/2017/TT-BTNMT ngày 23/10/2017	Quy định kỹ thuật đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo khí tượng	Hết hiệu lực thi hành bởi Thông tư số 46/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	30/6/2025
75.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 42/2017/TT-BTNMT ngày 23/10/2017	Quy định kỹ thuật đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo thủy văn	Hết hiệu lực thi hành bởi Thông tư số 46/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	30/6/2025
76.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 16/2019/TT-BTNMT ngày 30/9/2019	Quy định kỹ thuật đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo hải văn	Hết hiệu lực thi hành bởi Thông tư số 46/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	30/6/2025

	trường				
77.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 20/2020/TT-BTNMT ngày 30/12/2020	Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng thủy văn bề mặt	Hết hiệu lực thi hành bởi Thông tư số 49/2024/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn	14/02/2025
78.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 24/2022/TT-BTNMT ngày 30/12/2022	Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn	Hết hiệu lực thi hành bởi Thông tư số 49/2024/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn	14/02/2025
II.13. Lĩnh vực Pháp chế					
79.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 15/2021/TT-BTNMT ngày 31/8/2021	Quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Được thay thế bởi Thông tư số 29/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	11/8/2025
80.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 20/2022/TT-BNNPTNT ngày 22/12/2022	Quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	Được thay thế bởi Thông tư số 29/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	11/8/2025

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, TẠM NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2025

TT	Tên loại văn bản; cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH					
I.1. Lĩnh vực Thủy sản					
81.	Nghị định của Chính phủ	Số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản	Khoản 4 Điều 5; Điều 20; Điều 21; khoản 5 Điều 25; Điều 35; Điều 36; khoản 2 Điều 37; khoản 4 Điều 39; khoản 3, khoản 4 Điều 41; điểm a khoản 1 Điều 42; Điều 45; Điều 46; Điều 47; Điều 48; Điều 49; Điều 50; Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 55.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 301/2025/NĐ-CP ngày 17/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản	17/11/2025
			Điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 42; Điều 52.	Được bãi bỏ bởi Nghị định số 301/2025/NĐ-CP ngày 17/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản	17/11/2025
82.	Nghị định của Chính phủ	Số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số	- Cụm từ “và quy định khác có liên quan” tại điểm b khoản 5 Điều 36 - Điểm c khoản 6 Điều 70b	Được bãi bỏ bởi Nghị định số 309/2025/NĐ-CP ngày 29/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ	29/11/2025
			Quy định về kích thước tối thiểu được	Ngưng hiệu lực bởi Nghị định số	29/11/2025

		37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ	<p>phép khai thác của một số loài thủy sản sống trong vùng nước tự nhiên tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cá ngừ chù (<i>Auxis thazard</i>) tại số thứ tự 11 mục 1. 2. Cá ngừ chám (<i>Euthynnus affinis</i>) tại số thứ tự 12 mục 1. 3. Cá hổ (<i>Trichiurus lepturus</i>) tại số thứ tự 15 mục 1. 4. Cá trích xương (<i>Sardinella gibbosa</i>) tại số thứ tự 36 mục 1. 5. Cá ngừ ồ (<i>Auxis rochei</i>) tại số thứ tự 63 mục 1. 6. Cá ngừ vây vàng (<i>Thunnus albacares</i>) tại số thứ tự 64 mục 1. 7. Cá ngừ mắt to (<i>Thunnus obesus</i>) tại số thứ tự 65 mục 1. 8. Cá ngừ vằn (<i>Katsuwonus pelamis</i>) tại số thứ tự 66 mục 1. 9. Tôm sắt cứng (<i>Parapenaeopsis hardwickii</i>) tại số thứ tự 15 mục 2. 10. Mực ống (<i>Loligo chinensis</i> và <i>Loligo edulis</i>) tại số thứ tự 1 mục 4. 	309/2025/NĐ-CP ngày 29/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ	
I.2. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật					
83.	Nghị định của Chính phủ	Số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 quy định chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát	Khoản 1 Điều 12	Được bãi bỏ bởi khoản 1 Điều 2 Nghị định số 285/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ bãi bỏ một số Nghị định của Chính phủ.	30/12/2025

		triển nuôi trồng, khai thác dược liệu			
84.	Nghị định của Chính phủ	Số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa	Điều 11, Điều 12, Điều 13	Được bãi bỏ bởi điểm d khoản 4 Điều 21 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.	01/7/2025

I.3. Lĩnh vực Môi trường

85.	Nghị định của Chính phủ	Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	Khoản 4 Điều 3; điểm c khoản 6 Điều 4; đoạn dẫn khoản 3 Điều 15; điểm a và điểm b khoản 6 Điều 21; điểm a khoản 4 Điều 23; khoản 4 Điều 25; Điều 26; khoản 2 và khoản 3 Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; điểm d khoản 5, điểm c khoản 6, khoản 9 Điều 37; khoản 1 Điều 42; điểm a khoản 4, điểm g và điểm h khoản 4 Điều 48; điểm a và điểm b khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 49; khoản 2, khoản 4 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 53; khoản 6 Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 59; khoản 2, khoản 3 Điều 63; điểm c khoản 4, điểm b khoản 6 Điều 65; khoản 4 và khoản 5 Điều 69; khoản 2, khoản 4 Điều 71; tên Điều 74, điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 74; điểm e khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 76; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm đ khoản 2, điểm b và điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 77; Điều 78; khoản 4, điểm c khoản 5, khoản 6 Điều 79;	Được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	06/01/2025
-----	-------------------------	---	--	--	------------

			<p>Điều 80; Điều 81; Điều 82; điểm b khoản 1, khoản 3, khoản 5 Điều 83; Điều 84; Điều 85; khoản 1 Điều 86; Điều 87; Điều 88; điểm b khoản 2, điểm e, điểm g khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 97; điểm c khoản 5 Điều 98; khoản 5 Điều 111; Điều 134; khoản 2, điểm d khoản 5, điểm e khoản 5, điểm b khoản 7, điểm h khoản 9, điểm m khoản 9, điểm o khoản 9 Điều 151; khoản 2, điểm d khoản 5, điểm b khoản 7, điểm e khoản 9, điểm i và điểm k khoản 9, điểm m khoản 9 Điều 152; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 153; điểm i khoản 2, điểm l khoản 2 Điều 160; điểm đ và điểm e khoản 5, điểm h khoản 5 Điều 163; khoản 9, khoản 12, khoản 14, khoản 15 Điều 168;</p>		
			<p>Phụ lục XXII Phụ lục XXIII</p>	<p>Được sửa đổi, bổ sung bởi Phụ lục XXII và Phụ lục XXIII Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p>	06/01/2025
			<p>Cụm từ “Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn”</p>	<p>Được thay thế bởi cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại khoản 2 Điều 109, khoản 1 Điều 110 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy</p>	06/01/2025

				định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	
			Cụm từ “Lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường”	Được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị Công an nhân dân có chức năng, nhiệm vụ phòng, chống tội phạm về môi trường” tại Điều 163 và Điều 164 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	06/01/2025
			Điểm b khoản 4 Điều 65, khoản 7 Điều 79, điểm c khoản 1 Điều 83, khoản 2 Điều 162, khoản 1 và các điểm a, d, đ khoản 2 Điều 167, Phụ lục XII.	Được bãi bỏ bởi khoản 3 Điều 2 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	06/01/2025

I.4. Lĩnh vực Biến đổi khí hậu

86.	Nghị định của Chính phủ	Số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 Quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.	- Điều 2; khoản 12, khoản 18 Điều 3; khoản 1, điểm b khoản 4 Điều 7; điểm b và điểm c khoản 3 Điều 8; khoản 2, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 9; điểm c khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 10; điểm d khoản 1, điểm c, d, và e khoản 2, điểm b khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 11; Điều 12; điểm b khoản 4 Điều 13; Điều 14; khoản 1 và khoản 3 Điều 15; tiêu đề Mục 2 Chương II; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; điểm d khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 22; khoản 1, điểm d khoản 1 Điều 24;	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.	01/8/2025
-----	-------------------------	---	--	---	-----------

			<p>Điều 25; khoản 1, 5 và 6 Điều 26; khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 28; khoản 1, 2 và 5 Điều 29; khoản 2, 3 Điều 33;</p> <p>- Mẫu số 03, Mẫu số 05 và bãi bỏ các Mẫu số 02, Mẫu số 04 Phụ lục II;</p> <p>- Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03A, Mẫu số 03B, Mẫu số 04, Mẫu số 05A, Mẫu số 05B Phụ lục VI.</p>		
			<p>- Phụ lục I;</p> <p>- Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 05; bãi bỏ các Mẫu số 03, Mẫu số 04; bổ sung Mẫu số 03A, Mẫu số 03B, Mẫu số 03C, Mẫu số 03D, Mẫu số 03Đ, Mẫu số 03E, Mẫu số 04A, Mẫu số 04B, Mẫu số 04C, Mẫu số 04D, Mẫu số 04Đ, Mẫu số 04E, Mẫu số 04G, Mẫu số 06, Mẫu số 07A, Mẫu 07B, Mẫu số 07C, Mẫu số 08, Mẫu số 09, Mẫu số 10, Mẫu số 11, Mẫu số 12 và Danh mục số 01 Phụ lục V;</p>	Được thay thế bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.	01/8/2025
			Khoản 4 Điều 8; Mẫu số 03 Phụ lục III;	Được bãi bỏ bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.	01/8/2025
I.5. Lĩnh vực Tài nguyên nước					
87.	Nghị định của Chính phủ	Số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh	Khoản 2 Điều 1, Chương II	Được bãi bỏ bởi điểm a khoản 3 Điều 45 của Nghị định số 290/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước	25/12/2025

		vực tài nguyên nước và khoáng sản	Cụm từ “tài nguyên nước” tại tên Nghị định, tên Chương IV; khoản 1 Điều 72	Được bãi bỏ bởi điểm b khoản 3 Điều 45 của Nghị định số 290/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước	25/12/2025
			Nội dung về tài nguyên nước quy định tại: khoản 1, khoản 4 Điều 1; khoản 1, khoản 2 Điều 2; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 4; điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 63	Được bãi bỏ bởi điểm c khoản 3 Điều 45 của Nghị định số 290/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước	25/12/2025
88.	Nghị định của Chính phủ	Số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ	Các khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12 và khoản 31 Điều 2	Được bãi bỏ bởi điểm a khoản 4 Điều 45 của Nghị định số 290/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước	25/12/2025
			Cụm từ “tài nguyên nước” tại tên Nghị định, tên Điều 2; khoản 2 Điều 5	Được bãi bỏ bởi điểm b khoản 4 Điều 45 của Nghị định số 290/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước	25/12/2025
			Nội dung về tài nguyên nước quy định tại: điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 2; khoản 3 Điều 2; các khoản 31, khoản 32, khoản 33, khoản 34 và khoản 35 Điều 2	Được bãi bỏ bởi điểm c khoản 4 Điều 45 của Nghị định số 290/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước	25/12/2025
I.6. Lĩnh vực Biển và hải đảo					
89.	Nghị định của Chính phủ	Số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều	Khoản 2; khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm c, điểm đ khoản 1 và điểm d, điểm e khoản 5 Điều 54; Điều 55; điểm a khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 57; Mẫu số	Được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một	02/5/2025

		<p>của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo</p>	<p>11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.</p>	<p>số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.</p>	
			<p>- Thay thế cụm từ “cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 55 Nghị định này” tại điểm a và điểm c khoản 2, điểm a và điểm c khoản 3 Điều 58, khoản 2 Điều 59 bằng cụm từ “cơ quan thẩm định hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 55 Nghị định này”; thay thế cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam”, thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Mẫu số 12 và 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;</p> <p>- Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 4; khoản 3 Điều 5; khoản 1, khoản 3 Điều 6; khoản 1, khoản 3 Điều 7; khoản 1, khoản 2 Điều 14; khoản 4 Điều 15; điểm a khoản 3</p>	<p>Được thay thế bởi khoản 1 Điều 3 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.</p>	<p>02/5/2025</p>

Điều 16; điểm b khoản 2 Điều 17; khoản 1 Điều 23; Điều 24; Điều 25; khoản 1 Điều 26; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 27; Điều 28; khoản 2 Điều 29; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; khoản 3 Điều 34; Điều 36; Điều 42; khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2, điểm b, điểm c khoản 4 và khoản 5 Điều 62; khoản 1, khoản 2, khoản 5, điểm a, điểm d khoản 11 Điều 63; khoản 1, điểm a, điểm b, điểm c và điểm đ khoản 2, khoản 9, khoản 10 Điều 64; khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 65; khoản 1, điểm b, điểm d khoản 2, điểm a, điểm b và điểm d khoản 13 Điều 66; khoản 1, điểm a, điểm b và điểm c khoản 2, điểm a, điểm c khoản 3 Điều 67; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 68; khoản 1 Điều 71 và tại các Mẫu số 04, 05, 06, 07, 08, 12, 13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 31; khoản 1, khoản 2 Điều 34; khoản 2 Điều 35; Điều 38; khoản 2 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 55 và

		<p>tại các Mẫu số 12, 13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại khoản 4 Điều 63; khoản 6 Điều 64; khoản 4 Điều 66. Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 63; khoản 3 Điều 64; khoản 3 Điều 66. - Thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại khoản 5 Điều 63; khoản 9 Điều 64; khoản 6 Điều 66. 		
		<ul style="list-style-type: none"> - Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12; điểm d khoản 1 và điểm đ khoản 5 Điều 54; - Mẫu số 09 Bản đồ khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm và Mẫu số 10 Bản đồ khu vực biển sử dụng để nhận chìm tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo - Cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” tại 	<p>Được bãi bỏ bởi khoản 1 Điều 3 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.</p>	02/5/2025

			khoản 1 Điều 25; khoản 2 Điều 28;		
90.	Nghị định của Chính phủ	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển	<p>- Khoản 1 Điều 1; khoản 4, khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 2; khoản 1 và bổ sung, khoản 4 Điều 3; khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 4; khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 5; điểm b khoản 1 Điều 6; điểm c, d và điểm đ khoản 2 Điều 7; Điều 8; điểm c, điểm d và bổ sung điểm e khoản 1 Điều 13; khoản 1 Điều 14; điểm c khoản 1, bổ sung điểm đ khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 15; điểm b khoản 1 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 18, điểm b khoản 1 Điều 20, điểm b khoản 1 Điều 22, điểm b khoản 1 Điều 24; điểm c, d và bổ sung điểm đ, e, g, h và điểm i khoản 2 Điều 16; khoản 2 và khoản 3 Điều 17; điểm c khoản 2 Điều 18, điểm c khoản 2 Điều 20, điểm c khoản 2 Điều 22 và điểm c khoản 2 Điều 24; khoản 4 Điều 19; khoản 3 Điều 21; điểm c khoản 1 Điều 27 và điểm d khoản 1 Điều 27; điểm d khoản 1 Điều 28; khoản 1, khoản 6 và bổ sung khoản 7a Điều 31; điểm b khoản 3 và bổ sung khoản 7 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 4 Điều 39; khoản 1 Điều 42;</p> <p>- Mẫu số 01, Mẫu số 05, Mẫu số 06, Mẫu số 10 Phụ lục Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ</p>	Được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.	02/5/2025

			<p>chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển</p>		
			<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “Thủ tướng Chính phủ” tại điểm d khoản 4 Điều 5, tại đoạn đầu khoản 2 Điều 16, điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 25, khoản 3 Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 34; - Cụm từ “hoặc trả lại một phần khu vực biển” tại Mẫu số 07; - Cụm từ “lấn biển,” tại điểm c khoản 1 Điều 34; bỏ cụm từ “lắp đặt cáp viễn thông,” tại điểm d khoản 1 Điều 34 - Khoản 4 Điều 6, khoản 4 Điều 9, khoản 8 Điều 31, khoản 3 Điều 41, khoản 2 Điều 42 - Mẫu số 09 Sơ đồ khu vực biển giao cho tổ chức, cá nhân và Mẫu số 11 Thông báo về việc nộp tiền sử dụng khu vực biển 	<p>Được bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 3 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.</p>	<p>02/5/2025</p>
			<ul style="list-style-type: none"> - Thay thế cụm từ “sơ đồ khu vực biển” bằng cụm từ “bản đồ khu vực biển” tại khoản 2 Điều 2, điểm d khoản 1 Điều 15, điểm c khoản 3 Điều 15, khoản 4 Điều 17, khoản 4 Điều 21, khoản 1 Điều 37; thay thế cụm từ “sơ đồ khu vực biển theo Mẫu số 09” bằng cụm từ “bản đồ khu vực biển theo Mẫu số 05” tại khoản 3 Điều 10. - Thay thế cụm từ “bản chính” bằng cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử” tại khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 21, 	<p>Được thay thế bởi khoản 2 Điều 3 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.</p>	

			<p>khoản 2 Điều 23.</p> <p>- Thay thế cụm từ “bản sao” bằng cụm từ “bản sao hoặc bản sao điện tử” tại Điều 15; cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại điểm a khoản 2 Điều 25; cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Mẫu số 07 và Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.</p> <p>- Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại: khoản 1, khoản 3 Điều 3; điểm d, đ khoản 4 Điều 5; khoản 2 Điều 16; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 25; khoản 3 Điều 30; điểm a, c khoản 2 và khoản 4, khoản 5 Điều 34; tiêu đề của Điều 39; khoản 5 Điều 40; Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04, Mẫu số 07, Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử</p>	
--	--	--	---	--

			<p>dụng tài nguyên biển.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại: điểm a khoản 4 Điều 5; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 25 và Mẫu số 07, Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển. - Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm e khoản 4 Điều 5. - Thay thế cụm từ “Phòng Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Phòng Nông nghiệp và Môi trường” tại: điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 25; khoản 3 Điều 41 và tại các Mẫu số 07 và Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển. 		
I.7. Lĩnh vực quản lý đất đai					
91.	Nghị định của Chính phủ	71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định	Khoản 1 và khoản 2 Điều 22	Được bãi bỏ bởi điểm a khoản 4 Điều 21 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền	01/7/2025

		về giá đất		của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai	
			Khoản 1 Điều 3	Được sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Điểm a và điểm b khoản 2 Điều 4	Được sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 3 Điều 4	Được sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			điểm b khoản 4 Điều 4	Được sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 5 Điều 4	Được sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 6 Điều 4	Được sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định	15/8/2025

			quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	
		điểm a khoản 1 Điều 5	Được sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		Điểm a và điểm b khoản 2 Điều 5	Được sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		Điểm a, b và d khoản 2 Điều 6	Được sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		Điểm a và điểm b khoản 3 Điều 6	Được sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		điểm b và điểm c khoản 4 Điều 6	Được sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		Khoản 7 Điều 6	Được sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025

			Khoản 8 Điều 6	Được sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 4 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Điểm h khoản 1 Điều 8	Được sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Điều 10	Được sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Điểm d khoản 2 Điều 12	Được sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			khoản 5 Điều 13	Được sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 6 vào Điều 14	Được sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 2 Điều 16	Được sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 1 Nghị	15/8/2025

				định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	
			Khoản 2 Điều 20	Được sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 2 Điều 24	Được sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 2 Điều 31	Được sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 1 Điều 34	Được sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 14 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 3 Điều 34	Được sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 14 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 3 và khoản 4 Điều 35	Được sửa đổi, bổ sung khoản 15 Điều 1 Nghị định số Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày	15/8/2025

			15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	
		điểm b khoản 1 Điều 36	Được sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 16 Điều 1 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		khoản 3 Điều 36	Được sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 16 Điều 1 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		Điểm b khoản 1 Điều 38	Được sửa đổi, bổ sung khoản 17 Điều 1 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		Điểm a khoản 4 Điều 39	Được sửa đổi, bổ sung khoản 18 Điều 1 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		Thay thế Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 226/2025/NĐ-CP	Được thay thế bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		Khoản 4, khoản 5 Điều 36; điểm c khoản 1 Điều 38	Được bãi bỏ bởi điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số	15/8/2025

			điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	
		Bãi bỏ cụm từ “cấp huyện” tại điểm c khoản 1 Điều 14 và Điều 22	Được bãi bỏ bởi điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		Bãi bỏ Cụm từ “thị trấn” tại điểm b khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 19, Điều 21	Được bãi bỏ bởi điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		Bãi bỏ Mẫu số 05, 06, 07 của Phụ lục I	Được bãi bỏ bởi điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “thuê hoặc giao nhiệm vụ” bằng cụm từ “thuê, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ” tại khoản 4 Điều 3; - Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 4 Điều 13, khoản 3 Điều 38; - Cụm từ “Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này” bằng cụm từ “Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại khoản 1 Điều 19; - Cụm từ “Văn phòng Đăng ký đất đai; đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, đơn vị, tổ chức đấu giá tài sản;” bằng cụm từ “Văn phòng 	Được thay thế bởi các cụm từ tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025

		<p>đăng ký đất đai; cơ quan thuế; đơn vị, tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu giá tài sản;” tại khoản 2 Điều 19;</p> <ul style="list-style-type: none">- Cụm từ “từ Mẫu số 02 đến Mẫu số 03 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này” bằng cụm từ “từ Mẫu số 30 đến Mẫu số 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại khoản 4 Điều 19;- Cụm từ “theo Mẫu số 02 và Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định này” bằng cụm từ “theo Mẫu số 30 và Mẫu số 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại khoản 3 Điều 25;- Cụm từ “từ Mẫu số 02 đến Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này” bằng cụm từ “từ Mẫu số 30 đến Mẫu số 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại điểm a khoản 1 Điều 33;- Cụm từ “Mẫu số 04 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này” bằng cụm từ “Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại khoản 2 Điều 21;- Cụm từ “từ Mẫu số 09 đến Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này” bằng cụm từ “từ Mẫu số 33 đến Mẫu số 36 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại	
--	--	--	--

		<p>khoản 3 Điều 22;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “từ Mẫu số 12 đến Mẫu số 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này” bằng cụm từ “từ Mẫu số 37 đến Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại khoản 1 Điều 23; - Cụm từ “Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này” bằng cụm từ “Mẫu số 41 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại điểm b khoản 3 Điều 33; - Cụm từ “Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này” bằng cụm từ “Mẫu số 42 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại điểm b khoản 3 Điều 33. 		
		<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 30 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị 	<p>Được thay thế bởi các mẫu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai</p>	<p>15/8/2025</p>

định số 151/2025/NĐ-CP;
- Mẫu số 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP;
- Mẫu số 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 34 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP;
- Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP;
- Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 36 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP;
- Mẫu số 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 37 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP;
- Mẫu số 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 38 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP;
- Mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 39 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP;
- Mẫu số 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị

			<p>định số 151/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 41 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 71/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 42 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP</p>		
92.	Nghị định của Chính phủ	88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất	Điều 7	Được bổ sung Điều 7a vào sau Điều 7 tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Điều 14	Được bổ sung Điều 14a vào sau Điều 14 tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 4 Điều 17	Được bổ sung tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Điểm d vào khoản 1 Điều 19	Được bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 5 vào Điều 22	Được bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số	15/8/2025

			điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	
		Khoản 5 và khoản 6 vào Điều 24	Được bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		Khoản 2 và khoản 7 Điều 27	Được bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		Khoản 6 vào Điều 31	Được bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		Cụm từ “và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã” tại khoản 1 Điều 2.	Được bãi bỏ tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
		- Cụm từ “Mẫu quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này” bằng cụm từ "Mẫu quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP" tại khoản 4 Điều 3; - Cụm từ “cấp huyện, xã” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 5 Điều 8;	Được thay thế tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025

			<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 24; - Cụm từ “Trường hợp quận, thành phố, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có đất thu hồi” bằng cụm từ “Trường hợp cấp xã nơi có đất thu hồi” tại khoản 2 Điều 15; - Cụm từ “xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi” bằng cụm từ “cấp xã nơi có đất thu hồi” tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 11; điểm b khoản 1 Điều 19; - Cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền” bằng cụm từ “cơ quan có thẩm quyền” tại điểm b khoản 1 Điều 19; - Mẫu quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 88/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 44 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP. 		
93.	Nghị định của Chính phủ	101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền	Khoản 5 và khoản 11 Điều 9; khoản 1 Điều 19; khoản 3 Điều 20; các Điều 21, 22, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 60; các Mẫu số 01/ĐK, 02/ĐK, 03/ĐK, 04/ĐK, 05/ĐK, 06/ĐK, 07/ĐK, 08/ĐK, 09/ĐK, 10/ĐK, 11/ĐK, 12/ĐK, 14/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số	Hết hiệu lực bởi điểm b khoản 4 Điều 21 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025

với đất và Hệ thống thông tin đất đai.	101/2024/NĐ-CP		
	Khoản 7 Điều 9	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;	15/8/2025
	Điều 17	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;	15/8/2025
	Điểm a và điểm c khoản 11 Điều 18	Được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;	15/8/2025
	Khoản 12 Điều 18	Được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;	15/8/2025
	Khoản 5 Điều 26	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;	15/8/2025
Điều 7	Được bãi bỏ tại điểm c khoản 3 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025	

			Cụm từ “cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện” tại điểm b khoản 1 Điều 8	Được bãi bỏ tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Cụm từ “Chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm c khoản 6 Điều 9	Được bãi bỏ tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Từ “huyện” tại điểm c khoản 2 Điều 53	Được bãi bỏ tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “điểm a và điểm b Điều này” bằng cụm từ “điểm a và điểm b khoản này” tại điểm c khoản 3 Điều 4; - Cụm từ “được lưu trữ 01 bộ tại Bộ Tài nguyên và Môi trường, 01 bộ tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “được lưu trữ 02 bộ tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 4 Điều 16; - Cụm từ “số thửa đất, số tờ bản đồ” bằng cụm từ “số hiệu thửa đất (gồm số thửa đất, số tờ bản đồ)” tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 18; - Cụm từ “Mục 3 và Mục 4 Chương III của Nghị định này” bằng cụm từ “nội dung B và nội dung C Phần V Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 	Được thay thế bởi các cụm từ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025

151/2025/NĐ-CP”; cụm từ “Mục 5 Chương III của Nghị định này” bằng cụm từ “các Mục XVII, XVIII nội dung C Phần V Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP và Điều 50 Nghị định này” tại khoản 3 Điều 18;

- Cụm từ “của Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “của Ủy ban nhân dân cấp huyện lập trước ngày 01 tháng 7 năm 2025” tại điểm d khoản 2 Điều 19;

- Cụm từ “khoản 1 Điều 28, Điều 31 và Điều 36 của Nghị định này” bằng cụm từ “khoản 1 Mục I nội dung B, Mục II và Mục V nội dung C Phần V Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại điểm d khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 6 Điều 25; cụm từ “Điều 37 của Nghị định này” bằng cụm từ “Mục VI nội dung C Phần V Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại điểm d khoản 2 Điều 24;

- Cụm từ “quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch nông thôn” bằng cụm từ “quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp xã hoặc một trong các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô

			<p>thị và nông thôn” tại khoản 3 và khoản 6 Điều 25; điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 26;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “Điều 29 và Điều 37 của Nghị định này” bằng cụm từ “Mục II nội dung B, Mục VI nội dung C Phần V Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại điểm b khoản 6 Điều 25; - Cụm từ “Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai” bằng cụm từ “Cục Quản lý đất đai” tại khoản 1 Điều 58; - Cụm từ “63 tỉnh, thành phố” bằng cụm từ “các tỉnh, thành phố” tại điểm d khoản 1 Điều 64; - Cụm từ “Điều 41 của Nghị định này” bằng cụm từ “Mục X nội dung C Phần V Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại khoản 4 Điều 19 và khoản 3 Điều 65; - Cụm từ “Điều 35 của Nghị định này” bằng cụm từ “Mục IV nội dung C Phần V Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại khoản 4 Điều 65. 		
94.	Nghị định của Chính phủ	102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai	Khoản 1 Điều 14; Khoản 1, khoản 5 Điều 54; Điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 94; Khoản 4 và khoản 6 Điều 99; Khoản 3 Điều 100; Điểm b khoản 6 Điều 101; Điều 20, 21, 23, 44, 45, 48, 49, 51, 52, 53, 60, 64, 66, 68,	Được bãi bỏ bởi điểm c khoản 4 Điều 21 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025

			73, 106, 107		
			Điều 44 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Điểm b và điểm c khoản 2 Điều 31	Được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Điểm e khoản 2 Điều 31	Được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 4 Điều 31	Được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 3 Điều 32	Được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Điểm a khoản 7 Điều 32	Được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025

			Khoản 4 vào Điều 33	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Điểm b và điểm d khoản 2 Điều 35	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Điều 50	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Điểm e khoản 3 Điều 55	Được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 9 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 4 Điều 55	Được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 9 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Điểm b khoản 5 Điều 55	Được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 9 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Điểm b khoản 6 Điều 55	Được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 9	15/8/2025

				Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	
			Khoản 7 Điều 55	Được sửa đổi, bổ sung tại điểm đ khoản 9 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Điểm a và điểm c khoản 9 Điều 55	Được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 9 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 1 Điều 56	Được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 10 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 1 Điều 56	Được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 10 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 3 vào Điều 5	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 11 Điều 112	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày	15/8/2025

				15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	
			<ul style="list-style-type: none"> - Điểm b khoản 1 Điều 69; - Cụm từ “trước khi Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc trung ương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.” tại điểm đ khoản 3 Điều 19; - Cụm từ “, thị trấn” tại điểm b khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 10, điểm b khoản 1 Điều 79; - Cụm từ “, Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại tiêu đề khoản 2 Điều 8 và cụm từ “báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại điểm a khoản 2 Điều 8; - Cụm từ “cấp huyện,” tại khoản 1 Điều 11, điểm a khoản 1 Điều 12; - Cụm từ “; đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi” tại khoản 1 Điều 36; - Cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương,” tại điểm a khoản 1 Điều 79; - Cụm từ “Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương,” tại điểm b khoản 1 Điều 79; - Cụm từ “, công chức làm công tác địa 	Được bãi bỏ một số điểm, khoản, cụm từ, mẫu tại điểm c khoản 4 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025

		<p>chính cấp xã” tại khoản 1 Điều 102, điểm a khoản 4 Điều 103;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “; đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất” tại điểm b khoản 7 Điều 108; - Cụm từ “đến từng đơn vị hành chính cấp huyện” tại khoản 2 Điều 110; - Các mẫu số 02a, 02b, 02c, 02d, 02đ, 03, 04a, 04b, 04c, 04d, 04đ, 04e, 04g, 04h, 06, 07, 08, 11, 12, 13, 14 và 15 tại Phụ lục. 		
		<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 11, khoản 6 Điều 13, điểm h và điểm i khoản 1 Điều 18, các điểm c, d, đ và e khoản 1 Điều 19, khoản 3 Điều 22, tên và khoản 1, 2 và 3 Điều 24, khoản 3 Điều 25, khoản 4 Điều 26, khoản 3 Điều 29, điểm a và điểm c khoản 6 Điều 32, khoản 1 và khoản 4 Điều 36, khoản 5 Điều 43, điểm a khoản 3 Điều 54, các khoản 1, 2 và 4 Điều 67, Điều 69, khoản 2 và khoản 3 Điều 70, khoản 2 Điều 78, khoản 8 Điều 93, khoản 4 Điều 94, khoản 2 Điều 97, điểm c khoản 3 Điều 100, điểm c khoản 6 Điều 101, điểm b khoản 2 Điều 103, khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a, b khoản 6, điểm a, b khoản 7 Điều 108, khoản 2 Điều 110; 	<p>Được thay thế bởi điểm a khoản 4 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai</p>	<p>15/8/2025</p>

		<ul style="list-style-type: none">- Từ “đảo” bằng cụm từ “đặc khu” tại khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 10, khoản 6 Điều 12;- Cụm từ “điểm d khoản 1” bằng cụm từ “điểm đ khoản 1” tại khoản 3 Điều 10;- Cụm từ “mẫu Giấy chứng nhận” bằng cụm từ “phôi Giấy chứng nhận” tại điểm đ khoản 2 Điều 13;- Cụm từ “Trung tâm phát triển quỹ đất” bằng cụm từ “Tổ chức phát triển quỹ đất” tại tên Điều 14;- Cụm từ “Trung tâm phát triển quỹ đất” bằng cụm từ “Tổ chức phát triển quỹ đất, Chi nhánh tổ chức phát triển quỹ đất khu vực” tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 14;- Cụm từ “Trung tâm phát triển quỹ đất cấp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện” bằng cụm từ “Tổ chức phát triển quỹ đất, Chi nhánh tổ chức phát triển quỹ đất khu vực” tại khoản 6 Điều 14;- Cụm từ “ Nghị quyết của Chính phủ” bằng cụm từ “Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm c khoản 2 Điều 15;- Cụm từ “Chính phủ” bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm đ khoản 3 Điều 15, khoản 1 Điều 17;- Cụm từ “Thủ tướng Chính phủ” bằng		
--	--	--	--	--

		<p>cụm từ “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm a khoản 3 Điều 15, các khoản 2, 3 và 4 Điều 17;</p> <ul style="list-style-type: none">- Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Cơ quan có chức năng quản lý đất đai thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại các điểm a, b và đ khoản 3 Điều 15, khoản 1 và 2 Điều 17;- Cụm từ “Quyết định của Thủ tướng Chính phủ” bằng cụm từ “Nghị quyết của Hội đồng nhân dân” tại điểm e khoản 2 Điều 19;- Cụm từ “quy hoạch đô thị” vào sau cụm từ “quy hoạch được lập theo pháp luật quy hoạch đô thị và nông thôn” tại điểm đ khoản 1 Điều 22;- Cụm từ “Quyết định kiểm đếm bắt buộc theo Mẫu số 01a; Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc theo Mẫu số 01b; Quyết định thu hồi đất theo Mẫu số 01c; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo Mẫu số 01đ tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này” bằng cụm từ “Quyết định kiểm đếm bắt buộc theo Mẫu số 45; Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc theo Mẫu số 46; Quyết định thu hồi đất theo Mẫu số 47; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo Mẫu số 48 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại khoản 2 Điều		
--	--	--	--	--

			<p>28;</p> <ul style="list-style-type: none">- Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “khu vực” tại điểm d khoản 4 Điều 29;- Cụm từ “quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu được phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới” bằng cụm từ “quy hoạch sử dụng đất cấp xã hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu được phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn” tại điểm c khoản 1 Điều 47;- Cụm từ “kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện” bằng cụm từ “kế hoạch sử dụng đất cấp xã” tại tên và các khoản 1, 2 và 3 Điều 24, khoản 3 Điều 70, điểm e khoản 2 Điều 109;- Cụm từ “khoản 4 Điều 60 Nghị định này” bằng cụm từ “khoản 4 Mục I Phần VII Phụ lục I Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại khoản 1 Điều 61;- Cụm từ “khoản 2 Điều 68 Nghị định này” bằng cụm từ “khoản 7 Mục IV Phần VII Phụ lục I Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại khoản 3 Điều 67, cụm từ “khoản 4 Điều 68 Nghị định này” bằng cụm từ “khoản 7 Mục		
--	--	--	---	--	--

IV Phần VII Phụ lục I Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại khoản 4 Điều 67;

- Cụm từ “Điều 60 Nghị định này” bằng cụm từ “Mục I Phần VII Phụ lục I Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại điểm b khoản 2 Điều 94;
- Cụm từ “khoản 3 và khoản 6 Điều 44 Nghị định này” bằng cụm từ “mục I phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại điểm a khoản 2 Điều 96; cụm từ “2, 4 và 6 Điều 44 Nghị định này” bằng cụm từ “mục I phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại điểm b khoản 2 Điều 96;
- Cụm từ “Điều 49 Nghị định này” bằng cụm từ “mục I phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại điểm b khoản 2 Điều 96, khoản 3 Điều 98, điểm h khoản 1 Điều 112;
- Cụm từ “nhiều huyện” bằng cụm từ “nhiều xã” tại điểm a khoản 3 Điều 91;
- Cụm từ “Cơ quan có chức năng quản lý đất đai” bằng cụm từ “Cơ quan có chức năng quản lý đất đai các cấp” tại khoản 1 Điều 102;
- Mẫu số 01a; 01b; 01c; 01đ tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 45; 46; 47; 48 tại Phụ lục ban hành kèm theo

			Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.		
95.	Nghị định của Chính phủ	Số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “Điều 53 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 102/2024/NĐ-CP);” bằng cụm từ “Mục V Phần III Phụ lục I Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại điểm d khoản 4 Điều 5; - Cụm từ “điểm b khoản 4 Điều 99 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP” bằng cụm từ “Mục V Phần VII Phụ lục I Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại điểm g khoản 4 Điều 5 và điểm i khoản 2 Điều 17; - Cụm từ “điểm c khoản 3 Điều 100 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP” bằng cụm từ “Mục VI Phần VII Phụ lục I Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại điểm h khoản 4 Điều 5; - Cụm từ “khoản 4 và khoản 5 Điều 60 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP” bằng cụm từ “Mục I Phần VII Phụ lục I Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại điểm c khoản 4 Điều 9; - Cụm từ “khoản 4 Điều 68 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP” bằng cụm từ “Mục IV Phần VII Phụ lục I Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại điểm e khoản 4 Điều 9 và điểm g khoản 2 Điều 14; 	Được thay thế bởi điểm a khoản 6 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	01/7/2025

		<ul style="list-style-type: none">- Cụm từ “khoản 3 Điều 73 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP” bằng cụm từ “Mục VI Phần III Phụ lục I Nghị định số 151/2025/NĐ-CP” tại điểm k khoản 4 Điều 9;- Cụm từ “khoản 3 và khoản 4 Điều 21 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP” bằng cụm từ “Mục I nội dung A Phần V Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này” tại khoản 1 Điều 18;- Cụm từ “Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bằng giá đất” bằng cụm từ “Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định bằng giá đất” tại điểm b khoản 12 Mục I Phần IV Phụ lục I;- Cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bằng giá đất” bằng cụm từ “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định bằng giá đất” tại điểm b khoản 1 Điều 16, khoản 13 Mục I Phần IV Phụ lục I;- Cụm từ “công khai trên Cổng thông tin điện tử toàn bộ kết quả định giá đất cụ thể tại địa phương” bằng cụm từ “công khai báo cáo thuyết minh phương án giá đất, quyết định giá đất trên Cổng thông tin điện tử” tại khoản 11 Mục III Phần IV Phụ lục I;- Cụm từ “Sau khi nhận được thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính” bằng cụm từ “Khi có		
--	--	---	--	--

			<p>thông tin từ cơ sở dữ liệu được liên thông hoặc chứng từ hoặc giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính” tại khoản 2, khoản 3 Mục V, điểm d khoản 3 Mục VI, điểm b khoản 3 Mục XII, điểm b khoản 4 và điểm c khoản 5 Mục XIII nội dung C Phần V Phụ lục I;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền”, cụm từ “cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh” bằng cụm từ “cơ quan có chức năng quản lý đất đai cùng cấp” tại Mục I Phần VII Phụ lục I; - Cụm từ “Quyết định” bằng cụm từ “Quyết định/Nghị quyết” tại Mẫu số 28 Phụ lục II; - Cụm từ “Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của UBND ...” bằng cụm từ “Nghị quyết số ... ngày ... tháng ... năm ... của HĐND ...” tại Mẫu số 37, 38, 39, 40 Phụ lục II; - Cụm từ “Ghi rõ tên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất” bằng cụm từ “Ghi rõ tên cấp tỉnh/cấp xã nơi có đất” tại ghi chú 2 Mẫu số 49 Phụ lục II 		
			<p>Khoản 16 Mục I Phần IV Phụ lục I</p>	<p>Được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 4 Điều 6 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai</p>	<p>15/8/2025</p>

			Khoản 2 và khoản 10 Mục III Phần IV Phụ lục I	Được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 4 Điều 6 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
			Khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 8, điểm o khoản 4 Điều 9, điểm a khoản 6 Mục III Phần IV Phụ lục I; Mẫu số 11 Phụ lục II.	Được bãi bỏ tại điểm c khoản 6 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15/8/2025
I.8. Lĩnh vực Đo đạc và bản đồ					
96.	Luật Đo đạc và bản đồ của Quốc hội	Số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018	- Cụm từ “Thanh tra,” tại điểm l khoản 2 Điều 57; - Điểm a khoản 1 Điều 59.	Được bãi bỏ bởi điểm o khoản 1 Điều 62 Luật Thanh tra số 84/2025/QH15	01/7/2025
I.9. Lĩnh vực Khí tượng thủy văn					
97.	Nghị định Chính phủ	Số 173/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ	Khoản 2 Điều 1, Chương II, điểm a khoản 2 Điều 21; cụm từ “khí tượng thủy văn” tại tên Nghị định, căn cứ ban hành, tên Chương IV, tại khoản 1 và khoản 4 Điều 1, tại Điều 2, tại khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 20	Được bãi bỏ tại điểm a khoản 2 Điều 25 Nghị định số 155/2024/NĐ-CP ngày 10/12/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	01/02/2025
98.	Nghị định Chính phủ	Số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị	Điều 3	Được bãi bỏ tại điểm c khoản 2 Điều 25 Nghị định số 155/2024/NĐ-CP ngày 10/12/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	01/02/2025

		định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ			
I.10. Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản					
99.	Nghị định Chính phủ	Số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Điều 2; Điều 4; Điều 5; Điều 6; Điều 8; Điều 10; Điều 11; điểm a khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 27	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản.	01/3/2025
			Thay thế cụm từ “Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Khoáng sản Việt Nam” tại điểm b khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 17.	Được thay thế bởi Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản.	01/3/2025
			Điều 3, Điều 7, Điều 9, khoản 3 Điều 12, Điều 13, Điều 20, Điều 21 và Điều 25.	Được bãi bỏ bởi Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản.	01/3/2025
100.	Nghị định Chính phủ	Số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản	Khoản 2 Điều 2; Điều 3; Điều 4; khoản 4 Điều 7; khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 40; điểm c khoản 2 Điều 41; khoản 2 Điều 42; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 51; Điều 53; điểm c và điểm d khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 56, khoản 3 và khoản 4 Điều 62; khoản 1 Điều 72.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản.	01/3/2025

			Thay thế cụm từ “Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Khoáng sản Việt Nam” tại khoản 4 Điều 8; khoản 3 Điều 20; khoản 1, khoản 3 Điều 24; khoản 1, khoản 2 Điều 31; khoản 1 Điều 47.	Được thay thế bởi Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản.	01/3/2025
			Điều 10, Điều 11, Điều 12; khoản 6 Điều 20; khoản 1, khoản 3 Điều 55; Điều 68; khoản 2 Điều 70.	Được bãi bỏ bởi Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản.	01/3/2025
101.	Nghị định Chính phủ	Số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Điều 5; điểm e khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 6; điểm b khoản 2 Điều 7; khoản 2 Điều 8; điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 9; Điều 10; khoản 1 Điều 11; khoản 4 Điều 12; điểm a khoản 3 Điều 13; khoản 2, khoản 3 Điều 14;	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản.	01/3/2025
			Khoản 5 Điều 6; khoản 4 Điều 8; khoản 3 Điều 15.	Được bãi bỏ bởi Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản.	01/3/2025
			Thay thế cụm từ “Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Khoáng sản Việt Nam” tại khoản 1, khoản 3 Điều 8; khoản 6 Điều 9; khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 13.	Được thay thế bởi Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản.	01/3/2025
102.	Nghị định Chính phủ	Số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và	Khoản 1 Điều 9; điểm a khoản 1 Điều 10; điểm b khoản 1 Điều 31;	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản.	01/3/2025
			Khoản 3 Điều 9	Được bãi bỏ bởi Nghị định số 10/2025/NĐ-	01/3/2025

		bảo vệ lòng, bờ, bãi sông		CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản.	
103.	Nghị định Chính phủ	Số 51/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia	Khoản 3 Điều 8	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản.	01/3/2025
104.	Nghị định Chính phủ	Số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.	Điều 3; Điều 5	Được bãi bỏ bởi Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản.	01/3/2025

I.11. Lĩnh vực Quản lý Đê điều và Phòng, Chống thiên tai

105.	Nghị định Chính phủ	Số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai	Khoản 2 Điều 3; Điều 5; Điều 8; Điều 10; Điều 11; đoạn dẫn tại khoản 3 Điều 12; điểm b, điểm đ, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 13; khoản 4 Điều 15; Điều 17; Điều 18; Điều 21; khoản 2 Điều 22; Điều 23; khoản 1 Điều 24;	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai	19/4/2025
			- Khoản 4 Điều 3 và điểm a khoản 2 Điều 24. - Cụm từ “ủy thác” tại khoản 1 Điều 6.	Được bãi bỏ bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	19/4/2025

			- Cụm từ “giám sát” tại khoản 2 Điều 19; điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 24.	78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai	
I.12. Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm					
106.	Nghị định Chính phủ	Số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP và Nghị định số 27/2024/NĐ-CP)	Khoản 6, khoản 9 Điều 3; khoản 5 Điều 12; khoản 4 Điều 20; khoản 2 Điều 28; khoản 2 Điều 29; Điều 42a.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	16/8/2025
II. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG BAN HÀNH, LIÊN TỊCH BAN HÀNH					
II.1. Lĩnh vực Tổ chức cán bộ					
107.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông	Điều 8	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14/10/2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã.	15/10/2025

		thôn.			
II.2. Lĩnh vực Văn thư - Lưu trữ					
108.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	29/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo định kỳ hàng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 1 Điều 1; Điều 2; khoản 1 và khoản 2 Điều 4; điểm g và điểm h khoản 2, điểm a và điểm b khoản 3 Điều 8; khoản 2 Điều 10 và biểu số 16, 17 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư.	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi là Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT).	01/7/2025
			Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” tại biểu số 15 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư.	Được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
			Cụm từ “cấp huyện” tại phần thứ nhất của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư.	Được bãi bỏ bởi khoản 3 Điều 2 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
			Từ “huyện” tại tiết 1.1 mục 1 nội dung II phần thứ nhất của Phụ lục I; các biểu số 04, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 26 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư.	Được thay thế bởi từ “xã” tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
			Cụm từ “xã, huyện, tỉnh” tại biểu số 26 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư.	Được thay thế bởi cụm từ “xã, tỉnh” tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
			Các cột “Cấp huyện” tại biểu số 02; cột “KHSDD hàng năm cấp huyện” và cột “Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện” tại biểu số 04, cột “Huyện” tại biểu số 19, của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư.	Được bãi bỏ bởi khoản 6 Điều 2 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025

109.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 01/2020/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” tại khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 1; khoản 1 và khoản 2 Điều 2; khoản 1 Điều 4; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 7; tên điều và các khoản 1, 2, 3 Điều 8; tên điều và điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 9; khoản 3 Điều 10; khoản 2 Điều 11 và trong toàn bộ nội dung các mẫu đề cương, biểu số liệu báo cáo tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư.	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi là Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT).	01/7/2025
			Cụm từ “Trung tâm Tin học và Thống kê tại khoản 3 Điều 9	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Chuyên đổi số” tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
			Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” trong toàn bộ nội dung các mẫu đề cương, biểu số liệu báo cáo tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư.	Được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
			Cụm từ “Tổng cục Lâm nghiệp” trong toàn bộ nội dung các mẫu đề cương, biểu số liệu báo cáo tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm” tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
			Cụm từ “Cục Thú y” trong toàn bộ nội dung các mẫu đề cương, biểu số liệu báo cáo tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư.	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y” tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
			Cụm từ “Tổng cục Thủy sản” trong toàn bộ nội dung các mẫu đề cương,	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Thủy sản và Kiểm ngư” tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số	01/7/2025

			biểu số liệu báo cáo tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư.	22/2025/TT-BNNMT	
			Cụm từ “Cục Bảo vệ thực vật” trong toàn bộ nội dung các mẫu đề cương, biểu số liệu báo cáo tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư.	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật” tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
			Cụm từ “Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản” trong toàn bộ nội dung các mẫu đề cương, biểu số liệu báo cáo của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư.	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường” tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
			Các cột “Tên huyện” và cụm từ “Thị trấn” tại mẫu đề cương báo cáo số 03; các nội dung phần 2 “Số công chức, viên chức, người lao động cấp huyện” tại điểm b mục 1 phần III mẫu đề cương báo cáo số 05; cột “Huyện” tại Bảng số 13.2 mẫu đề cương báo cáo số 06 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư.	Được bãi bỏ bởi khoản 9 Điều 1 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
			Từ “huyện” tại các điểm a mục 2 nội dung II, mục 2 nội dung III; điểm c mục 2 nội dung II phần II, điểm b mục 1 nội dung III phần II, Bảng số 02, 09 mẫu đề cương báo cáo số 05; Bảng số 09 mẫu đề cương báo cáo số 06 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư.	Được bãi bỏ bởi khoản 10 Điều 1 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
			Cụm từ “cấp huyện” tại mục 12 nội dung II phần I, điểm b mục 2 nội dung I phần I, mục 3 phần III, bảng 01 mẫu đề cương báo cáo số 05 của Phụ lục I	Được thay thế bởi cụm từ “cấp xã” tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025

			ban hành kèm theo Thông tư.		
			Nội dung ghi chú tại mục 1 phần II Mẫu 01 của mẫu đề cương báo cáo số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư	Được sửa đổi thành “Biểu mẫu này sử dụng cho cơ quan/đơn vị bảo vệ thực vật cấp xã điều tra, nhập số liệu phục vụ dự báo trong báo cáo 7 ngày/lần. Bẫy đặt trên địa bàn xã nào nhập số liệu cho xã đó” tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
			Cụm từ “Cục Thú y” là cơ quan nhận báo cáo; cụm từ “Chi cục Thú y/Thủy sản” là đối tượng thực hiện báo cáo tại Phụ lục I và mẫu đề cương báo cáo số 03 ban hành kèm theo Thông tư.	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Thủy sản và Kiểm ngư” là cơ quan nhận báo cáo; “Đơn vị chuyên ngành về thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường” là đối tượng thực hiện báo cáo tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
			Cụm từ “Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật” là đối tượng thực hiện báo cáo tại Phụ lục I và mẫu đề cương báo cáo số 05 ban hành kèm theo Thông tư.	Được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị chuyên ngành về trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường” là đối tượng thực hiện báo cáo tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
			Cụm từ “Ban An toàn thực phẩm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” là đối tượng thực hiện báo cáo tại Phụ lục I và mẫu đề cương báo cáo số 06 ban hành kèm theo Thông tư	Được thay thế bởi cụm từ “Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” là đối tượng thực hiện báo cáo tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
II.3. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật					
110.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ	Khoản 17 Điều 1	Được bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 2 Thông tư số 01/2025/TT-BNNPTNT ngày 18/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành.	08/04/2025

		thuật Quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật			
111.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật	Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 58, Điều 59; khoản 7 Điều 80; khoản 2 Điều 82; Phụ lục XXIX, Phụ lục XXX; Phụ lục XXXI; Phụ lục XXXII; Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư	Được bãi bỏ bởi khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2025/TT-BNNPTNT ngày 18/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành.	08/04/2025
112.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 15/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ các thông tư do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	Khoản 5 Điều 1	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 77/2025/TT-BNNMT ngày 29/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ các thông tư do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	29/12/2025
113.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà	Điểm d khoản 2; khoản 3 Điều 24	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2025/TT-BNNMT ngày 29/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ các thông tư do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ	29/12/2025

		nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật		trường Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	
II.4. Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y					
114.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn	Khoản 2 Điều 3; điểm a khoản 2 Điều 7; điểm b khoản 2 Điều 7; điểm b khoản 5 Điều 7; khoản 3 Điều 9; mẫu Giấy chứng nhận tiêm phòng tại Mục 3, Phụ lục 7	Được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi Điều 21 Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y	01/7/2025
115.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y	Điều 36; Điều 37; điểm d của mục 2 Phụ lục I; Mẫu 03 “BIÊN BẢN KIỂM TRA VÀ LẤY MẪU XÉT NGHIỆM” tại Phụ lục II; Mẫu 07 Biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y tại Phụ lục II; cụm từ “Chỉ được gia công, chế biến hàng xuất khẩu tại các cơ sở sản xuất đã được cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y và đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu”; Điều 38; Mẫu 01 Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y, Mẫu 06 GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y tại Phụ lục II.	Được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi Thông tư số 15/2024/TT-BNNPTNT ngày 20/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y	06/01/2025
			Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 35; mục 2 Phụ lục VI; khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 2 Điều 35; khoản 2 Điều 42.	Được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi Điều 24 Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y	01/7/2025

116.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 quy định về quản lý thuốc thú y	Điều 42; Điều 43; Điều 38.	Được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi Điều 27 Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y	01/7/2025
117.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn	Khoản 4 Điều 20; điểm b khoản 1 Điều 21; điểm b khoản 2 Điều 21; Phụ lục VIIa; từ “huyện” tại điểm a, c khoản 1 Phụ lục VIII; từ “huyện” tại mục Ghi chú của Phụ lục IX	Được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế bởi Điều 23 Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y	01/7/2025
			Điểm a khoản 1 phần II Phụ lục XII	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.	01/7/2025
118.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản	Khoản 1 Điều 5.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 23 Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y	01/7/2025
119.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển	Số 10/2018/TT-BNNPTNT ngày 14/8/2018 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuốc thú y - yêu	Mục 5 của QCVN 01-187: 2018/BNNPTNT; điểm 6.1 mục 6 của QCVN 01-187: 2018/BNNPTNT.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 28 Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y	01/7/2025

	nông thôn	câu chung			
120.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 15/2022/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2022 quy định về việc kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với mật ong	Khoản 2 Điều 7; điểm b khoản 4 Điều 7; khoản 1 Điều 8; Phụ lục III	Được sửa đổi, bổ sung, thay thế bởi Điều 25 Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y	01/7/2025
121.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 22/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về quản lý giống và sản phẩm giống vật nuôi	Khoản 1 Điều 3; khoản 3 Điều 5; Điều 7	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 21/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về quản lý giống và sản phẩm giống vật nuôi.	25/01/2025
			Phụ lục III, Phụ lục V	Được thay thế bởi Thông tư số 21/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về quản lý giống và sản phẩm giống vật nuôi.	25/01/2025
122.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và	Số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh	Điều 3; điểm a khoản 5 Điều 7; khoản 2 Điều 9; khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 17; điểm c khoản 2 Điều 19; khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 28; tên khoản 1 Điều 30; điểm c khoản 2	Được sửa đổi, bổ sung, thay thế bởi Điều 26 Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y	01/7/2025

	Phát triển nông thôn	động vật	<p>Điều 32; khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 35; tên Điều 36; khoản 2 Điều 36; khoản 6 Điều 36; tên khoản 8 Điều 36; “MẪU VĂN BẢN ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN VÙNG AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT” tại Phụ lục II; mẫu “BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT” tại Phụ lục III; mẫu “BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ VÙNG ĐĂNG KÝ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT” tại Phụ lục IV; hướng dẫn “SỐ LƯỢNG MẪU GIÁM SÁT ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN” tại Phụ lục V; “MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÙNG AN TOÀN BỆNH ĐẠI ĐỘNG VẬT” tại Phụ lục IX; mẫu Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật quy định tại mục 1 Phụ lục XII; mẫu Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh quy định tại mục 2 Phụ lục XII.</p>		
--	----------------------	----------	--	--	--

II.5. Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm

123.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý	Điều 11	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp	27/01/2025
------	---	--	---------	---	------------

		rừng bền vững đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
124.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Thông tư 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát	Điều 15	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp	27/01/2025

		triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp			
125.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 12/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thống kê ngành lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung năm 2023	Khoản 2a Điều 6	Hết hiệu lực bởi điểm d khoản 3 Điều 33 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân	01/7/2025
			Khoản 4 Điều 2	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 25 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
			Khoản 3 Điều 5	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 25 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
			Điểm b khoản 3, điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 6	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 25 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	01/7/2025
			Cụm từ “Tổng cục Lâm nghiệp”; “Tổng cục Thống kê” tại Phụ lục I	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm”; “Cục Thống kê” tại điểm a khoản 4 Điều 25 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định	01/7/2025

				về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	
			Nội dung “Cấp huyện: cơ quan Kiểm lâm cấp huyện hoặc đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ thống kê ngành lâm nghiệp cấp huyện đối với địa bàn không có cơ quan Kiểm lâm cấp huyện” tại Phụ lục I.	Được thay thế bởi nội dung “Hạt Kiểm lâm hoặc đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ thống kê ngành lâm nghiệp cấp xã đối với địa bàn không có Hạt Kiểm lâm” tại điểm b khoản 4 Điều 25 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
			Nội dung “Cấp đơn vị hành chính: tỉnh, huyện, xã” tại Phụ lục I.	Được thay thế bởi nội dung “Cấp đơn vị hành chính: tỉnh, xã” tại điểm c khoản 4 Điều 25 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
			Từ “huyện” ; Cụm từ “cơ quan Kiểm lâm cấp huyện”; Cụm từ “Tổng cục Lâm nghiệp,”; cụm từ “Tổng cục Lâm nghiệp,”; cụm từ “Sở NN&PTNT” tại Phụ lục II	Được thay thế bởi từ “xã”; cụm từ “Hạt Kiểm lâm”; cụm từ “Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm”; cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm a khoản 5 Điều 25 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
			Nội dung “cơ quan Kiểm lâm cấp huyện hoặc đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ thống kê ngành lâm nghiệp cấp huyện đối với địa bàn	Được thay thế bởi nội dung “Hạt Kiểm lâm hoặc đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ thống kê ngành lâm nghiệp cấp xã đối với địa bàn không có Hạt Kiểm lâm” tại điểm b	01/7/2025

			không có cơ quan Kiểm lâm cấp huyện”	Khoản 5 Điều 25 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	
126.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh	Điều 1; Điều 2; Điều 3; Chương III; Điều 21; Điều 23;	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp	27/01/2025
			Điều 22; Điều 25	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp	27/01/2025
			Thay thế Phụ lục II Chỉ tiêu nghiệm thu ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT bằng Phụ lục IIA ban hành kèm theo Thông tư này.	Được thay thế bởi Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp	27/01/2025
127.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục	Khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 2; điểm c khoản 8 Điều 3; điểm a khoản 7 Điều 4	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp	27/01/2025
			Thay thế Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT bằng Mẫu	Được thay thế bởi Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp	27/01/2025

		đích khác đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.		
128.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 quy định phương pháp định giá rừng; hướng dẫn định khung giá rừng	Khoản 3 Điều 4	Được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 26 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
129.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp	Điều 4	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp	27/01/2025
			Các Điều 1, 5, 6 và 11	Được bãi bỏ bởi điểm h, khoản 2 Điều 28 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
			Điều 2 và Điều 12	Hết hiệu lực bởi điểm c khoản 3 Điều 33 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày	01/7/2025

				24/6/2025 quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân	
130.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 4 năm 2024 của quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về điều tra rừng	Khoản 139 và khoản 140 Mục A Phần II Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 27 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
			Dòng 139.2 và dòng 140.1 Mục B Phần II Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 27 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	
			Dòng 45 Mục I Phần III Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 27 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	
			Nội dung các số thứ tự 61, 73, 144 và 145 Mục A; các số thứ tự 21.2, 61, 73, 139.1, 144, và 145 Mục B Phần II Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT	Được bãi bỏ bởi điểm a khoản 4 Điều 27 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	
			Nội dung các số thứ tự 26, 31, 45, 50 và 51 Mục I; các số thứ tự 27, 32, 51 và 52 Mục II; các số thứ tự 23, 29, 49 và 50 Mục III; các số thứ tự 19, 24, 36 và 37 Mục IV; các số thứ tự 19, 38 và	Được bãi bỏ bởi điểm b khoản 4 Điều 27 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm	

			39 Mục V; các số thứ tự 26, 31, 50 và 51 Mục VI; các số thứ tự 24, 29, 41, 44 và 45 Mục VII; các số thứ tự 17, 22, 34 và 35 Mục VIII; các số thứ tự 32, 39, 63, 68 và 69 Mục IX; các số thứ tự 22, 29, 53 và 54 Mục X; các số thứ tự 19, 25, 45 và 46 Mục XI; các số thứ tự 24, 30, 59 và 60 Mục XII; các số thứ tự 26, 31, 54 và 55 Mục XII Phần III	ng nghiệp và kiểm lâm	
131.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 11/2024/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định mức kinh tế - kỹ thuật về kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng	Khoản 15 Mục I, số thứ tự 15 Mục II Phần II Phụ lục I; khoản 11 Mục A, số thứ tự 11 Mục B Phần II Phụ lục II	Được bãi bỏ bởi điểm k khoản 2 Điều 28 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
132.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 12 năm 2024 quy định một số nội dung về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát	Khoản 2 Điều 6	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 24 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
			Khoản 3 Điều 32	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 24 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm	

		triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025		nghịệp và kiểm lâm	
			Bãi bỏ từ “huyện” và cụm từ “số huyện được hỗ trợ” tại Mẫu số 03, 04, 06, 08 và 11 Phụ lục I và biểu 1 Phụ lục II.	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 24 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	
			Khoản 2 Điều 31	Hết hiệu lực bởi điểm e khoản 3 Điều 33 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân	01/7/2025
133.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 23/2024/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật phân định ranh giới rừng	Mục 10.3 Bảng 1 Phần III Phụ lục I	Được bãi bỏ bởi điểm 1 khoản 2 Điều 28 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025
134.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông	Điều 2, Điều 3	Được bãi bỏ bởi điểm i khoản 2 Điều 28 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm	01/7/2025

		tư trong lĩnh vực lâm nghiệp			
II.6. Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư					
135.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản)	- Khoản 2 Điều 8 - Khoản 1, khoản 2 Điều 9 - Điều 10 - Khoản 1, điểm a khoản 2, điểm c khoản 5 Điều 11	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư;	01/7/2025
			- Khoản 7 Điều 3 - Điểm g khoản 2 Điều 5 - Nội dung số thứ tự 21 và 37 của Phụ lục III	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực kiểm ngư, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.	18/8/2025
			- Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm b khoản 5 Điều 11; khoản 1 Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 16, Điều 18; - Thay thế cụm từ “Tổng cục Thủy sản” bằng cụm từ “Cục Thủy sản và Kiểm ngư” tại điểm b khoản 5 Điều 11 và tên Điều 15.	Được thay thế bởi Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực kiểm ngư, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.	18/8/2025
136.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và	Số 20/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 quy định về trang phục, biểu trưng, cờ hiệu,	Điều 5 (điểm i, điểm x khoản 3)	Được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 2 Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực kiểm ngư, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy	18/8/2025

	Phát triển nông thôn	cờ truyền thống, thẻ kiểm ngư và màu sơn tàu, xuồng kiểm ngư (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản)		sản (sau đây gọi là Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT).	
			Điểm d khoản 1 Điều 6	Được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 2 Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT	
			Điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 3 Điều 8	Được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 2 Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT	
			Điều 10 (khoản 2, khoản 5)	Được sửa đổi bởi điểm a, điểm b khoản 5 Điều 2 Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT	
			khoản 3 Điều 12	Được sửa đổi bởi khoản 7 Điều 2 Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT	
			Khoản 2 Điều 13	Được sửa đổi bởi khoản 8 Điều 2 Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT	
			Điểm a khoản 3 Điều 14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT)	Được sửa đổi bởi khoản 9 Điều 2 Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT	
			Điểm g khoản 3 Điều 15	Được sửa đổi bởi điểm b khoản 10 Điều 2 Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT	
			Điểm c khoản 2 Điều 16	Được sửa đổi bởi điểm a khoản 11 Điều 2 Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT	
			Mục 6 Phụ lục II	Được sửa đổi bởi khoản 14 Điều 2 Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT	
			Phụ lục V	Được thay thế bởi khoản 17 Điều 2 Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT	
137.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai	- Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản” tại căn cứ ban hành bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư”. - Thay thế cụm từ “Tổng cục Thủy sản” tại Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17 và Điều 21 các Phụ lục bằng cụm	Được thay thế bởi Thông tư số 05/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực khai thác thủy sản.	18/7/2025

		<p>thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản)</p>	<p>từ “Cục Thủy sản và Kiểm ngư”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay thế cụm từ “Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản” tại Điều 9, Điều 13, Điều 15 và Điều 21 bằng cụm từ “Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường. - Thay thế cụm từ “Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng” tại khoản 5 Điều 15 bằng cụm từ “Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng”. - Thay thế Mẫu số 01, Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT bằng Mẫu số 01, Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. - Thay thế Mẫu số 03, Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT bằng Mẫu số 03, Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. 		
138.	<p>Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	<p>Số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 quy định về thuyền viên tàu cá, tàu công vụ thủy sản (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số</p>	<p>Điều 42</p> <p>Phụ lục I (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT)</p>	<p>Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 3 Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực kiểm ngư, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.</p> <p>Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 3 Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và</p>	18/8/2025

		01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản)		Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực kiểm ngư, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.	
139.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 quy định quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa	Điều c khoản 4 Điều 20	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 Thông tư số 05/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực khai thác thủy sản	18/7/2025
			Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục VIII	Được thay thế bởi khoản 2 Điều 2 Thông tư số 05/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực khai thác thủy sản	

		đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản)			
140.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 18/2022/TT-BNNPTNT ngày 22/11/2022 quy định quy trình tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên biển của lực lượng Kiểm ngư	Điều 1	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 4 Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực kiểm ngư, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.	18/8/2025
			Khoản 1 Điều 22	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 4 Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực kiểm ngư, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.	
			Phụ lục IV	Được thay thế bởi khoản 4 Điều 4 Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực kiểm ngư, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.	
II.7. Lĩnh vực Quản lý xây dựng công trình thủy lợi					
141.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi	Điểm c khoản 2 Điều 7	Điểm này được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025
			Điểm c khoản 3 Điều 7	Điểm này được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-	01/7/2025

				BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	
			Khoản 2 Điều 9	Khoản này được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025
			Khoản 3 Điều 15	Khoản này được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025
			Khoản 1 Điều 24	Khoản này được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025
			Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 15, khoản 1 Điều 16, khoản 2 Điều 33	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025
			Cụm từ “Tổng cục Thủy lợi” tại điểm a khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 12	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi” tại khoản 7	01/7/2025

				Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	
			Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” tại điểm b khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 12, khoản 2, khoản 3 Điều 22	Được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025
			Cụm từ “phân cấp” bằng cụm từ “phân giao quản lý” khoản 1 Điều 16, tên Chương III, tên Điều 15	Được thay thế bởi cụm từ “phân giao quản lý” tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025
142.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022 của Bộ Nông nghiệp & PTNT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy	Điểm a khoản 5 Điều 1	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025
			Điểm b khoản 5 Điều 1	Được bãi bỏ tại khoản 9 Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT	01/7/2025
			Khoản 8 Điều 1	Tên khoản và điểm này được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	01/7/2025

		định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi	Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” tại khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 12, khoản 13 Điều 1	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025
		Cụm từ “Tổng cục Thủy lợi” tại khoản 8 Điều 1; khoản 3 Điều 28 Chương V mẫu số 02 Phụ lục I	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi” tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025	
		Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” tại khoản 8 Điều 1; khoản 4 Điều 28 Chương V mẫu số 02 Phụ lục I	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi” tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025	
		Cụm từ “phân cấp” tại khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 1	Được thay thế bởi cụm từ “phân giao quản lý” tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025	
		Phụ lục II	Được thay thế bởi Phụ lục II theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản	01/7/2025	

				lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	
143.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn	Khoản 2, khoản 3 Điều 6	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025
			Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 7	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025
			Khoản 3 Điều 20	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 6 của Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	01/7/2025
			Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” tại khoản 3 Điều 21	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 5 Điều 6 của Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025
			Cụm từ “Tổng cục Thủy lợi” tại Điều 16, điểm d khoản 1 Điều 17	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi” tại khoản 5 Điều 6 của Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết	01/7/2025

				về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	
			Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” tại khoản 4 Điều 6, điểm c khoản 2 Điều 7, khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 17, khoản 3 Điều 2 Phụ lục III	Được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 5 Điều 6 của Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025
			Điều 18	Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 6 của Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi	01/7/2025

II.8. Lĩnh vực Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường nông sản

144.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ	- Điều 5 Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT được sửa đổi bởi khoản 5 Điều 1 Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT - Khoản 1 Điều 19 Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT được sửa đổi bởi khoản 21 Điều 1 Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT - Khoản 1 Điều 20 Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT được sửa đổi bởi khoản 22 Điều 1 Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1, 2 và 3 Điều 11 Thông tư 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	01/7/2025
			Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều 21 Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT được sửa đổi bởi khoản 23	Được bãi bỏ bởi khoản 4 Điều 11 thông tư 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông	01/7/2025

		Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Điều 1 Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT.	thôn quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
145.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu được sửa đổi, bổ sung tại	- Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 2 Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT - Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT được sửa đổi bởi khoản 3 Điều 2 Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT - Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT được sửa đổi bởi khoản 6 Điều 2 Thông tư số	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1, 2 và 3 Điều 12 Thông tư 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	01/7/2025

		<p>Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p>17/2024/TT-BNNPTNT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương II Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT được sửa đổi bởi khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13, khoản 14, khoản 15, khoản 16, khoản 17, khoản 18, khoản 19, điểm a khoản 37, điểm c khoản 45 Điều 2 Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT - Mẫu Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục VI của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT được sửa đổi bởi khoản 46 Điều 2 Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT - Cụm từ “cấp Giấy chứng nhận ATTP” tại các khoản, điều sau: Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm đ khoản 1 Điều 41 Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT được sửa đổi bởi khoản 5, khoản 17, khoản 36, khoản 42 Điều 2 Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT - Cụm từ “phí, lệ phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận ATTP” tại các khoản, điều sau: Điều 9 Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT được sửa đổi bởi khoản 8 Điều 2 Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT - Cụm từ “cấp, thu hồi Giấy chứng nhận ATTP” tại các khoản, điều sau: điểm a và điểm c khoản 1 Điều 41, điểm a khoản 2 Điều 41 Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT được sửa đổi 	<p>Được bãi bỏ bởi khoản 4 Điều 12 Thông tư 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản</p>	<p>01/7/2025</p>
--	--	---	---	---	------------------

			bởi khoản 42 Điều 2 Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT		
146.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Tên Thông tư - Điều 1; Điều 2; Điều 3; Điều 5; Điều 6; điểm d khoản 1 Điều 7; khoản 2 Điều 7; Điều 8; khoản 1, 2 Điều 10; Điều 11; tên Chương II; tên Mục 1 Chương II; Điều 12; khoản 1 Điều 13; điểm d khoản 2 Điều 15; điểm d khoản 2 Điều 15; Điều 16; tên Mục 2 Chương II; Điều 17; Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; khoản 5 Điều 24;	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	15/01/2025
			Điều 9, Điều 18	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	15/01/2025
			Mẫu Biên bản thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại Phụ lục II, Phụ lục III bằng Phụ lục II ; thay thế Phụ lục V bằng Phụ lục III ; thay thế Phụ lục VI bằng Phụ lục IV ; thay thế Phụ lục IV bằng Phụ lục V	Được thay thế bởi Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	15/01/2025
147.	Thông tư	Số 48/2013/TT-	- Tên Thông tư	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số	15/01/2025

của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu	- Điều 1; Điều 2; Điều 4; Điều 5; Điều 6; Điều 9; tên Chương II; Điều 10; Điều 11; Điều 12; tên Điều 13; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 24; khoản 1, khoản 3 Điều 25; khoản 1 Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 31; tên Điều 32; khoản 1 Điều 32; Điều 33; Điều 35; Điều 36; tên Điều 37; Điều 39; Điều 40; Điều 41; Điều 42	17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
		- Điều 16, Chương V - Phụ lục III, Phụ lục VIII; - Cụm từ “kiểm tra” tại các điểm, khoản sau: tên Điều 7; khoản 2, khoản 3 Điều 13; tên Điều 14; khoản 2 Điều 14; khoản 1, khoản 2 Điều 37.	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	15/01/2025
		- Cụm từ “kiểm tra” bằng cụm từ “thẩm định” tại các điểm, khoản, điều sau: khoản 3 Điều 3; khoản 1, khoản 2 Điều 23; tên Chương III; Điều 30; tên Điều 31; khoản 1 Điều 31; khoản 2 Điều 32; khoản 1, khoản 2 Điều 38; Phụ lục XV của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT. - Cụm từ “Cơ quan kiểm tra, chứng nhận” bằng cụm từ “Cơ quan cấp chứng thư” tại các khoản, điều, Phụ	Được thay thế bởi Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	15/01/2025

lục sau: khoản 1, khoản 2 Điều 23; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 30; khoản 1, khoản 2 Điều 31; khoản 2 Điều 32; Điều 34; khoản 1, khoản 2 Điều 38; khoản 1 Điều 43; Phụ lục XV của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT;

- Cụm từ “Cơ quan kiểm tra, chứng nhận” bằng cụm từ “Cơ quan thẩm quyền” tại các điểm, khoản, điều, Phụ lục sau: điểm đ khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 2 Điều 37;
- Cụm từ “ Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản” bằng cụm từ “Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường” tại điểm b khoản 2 Điều 26;
- Phụ lục I bằng Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục II bằng Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục IV bằng Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục V bằng Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục VI bằng Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục VII bằng Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục IX bằng Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục X bằng Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục XI bằng Phụ lục XIV ban hành kèm theo

			Thông tư này; Phụ lục XII bằng Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục XIII bằng Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục XIV bằng Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này; Phụ lục XVI bằng Phụ lục XVIII; Phụ lục XVII bằng Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này.		
II.9. Lĩnh vực Tài nguyên nước					
148.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 36/2017/TT-BTNMT ngày 06/10/2017 Ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật khảo sát, đo đạc tài nguyên nước và đánh giá, dự báo tài nguyên nước bằng mô hình dòng chảy	Chương 3 của Phần III Định mức kinh tế - kỹ thuật khảo sát, đo đạc tài nguyên nước và đánh giá, dự báo tài nguyên nước bằng mô hình dòng chảy ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BTNMT	Được bãi bỏ bởi khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 61/2025/TT-BNNMT ngày 17/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định định mức kinh tế - kỹ thuật quan trắc tài nguyên nước và cảnh báo, dự báo nguồn nước	03/12/2025
II.10. Lĩnh vực Biển và hải đảo					
149.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 33/2009/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật tàu nghiên cứu biển	Cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 3	Được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 12 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025

150.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 23/2010/TT-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về điều tra khảo sát, đánh giá hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái cỏ biển và đất ngập nước vùng ven biển và hải đảo	Cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 3 của Thông tư và khoản 1 Điều 38 của Quy định điều tra khảo sát, đánh giá hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái cỏ biển và đất ngập nước vùng ven biển và hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 23/2010/TT-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
			Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 2 Điều 38 của Quy định điều tra khảo sát, đánh giá hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái cỏ biển và đất ngập nước vùng ven biển và hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 23/2010/TT-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
151.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 24/2010/TT-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2010 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đo đạc, thành lập bản đồ địa hình đáy biển bằng máy đo sâu hồi âm đa tia	Cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 26	Được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
			Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại Điều 26	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định	

				thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
152.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 25/2010/TT-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật cho 11 công tác điều tra địa chất khoáng sản biển và hải đảo	Cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 3 Thông tư và Mục 1 Chương IV Quy định kỹ thuật cho 11 công tác điều tra địa chất khoáng sản biển và hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 25/2010/TT-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
			Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại Mục 2 Chương IV Quy định kỹ thuật cho 11 công tác điều tra địa chất khoáng sản biển và hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 25/2010/TT-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
153.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 36/2010/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra khảo sát, đánh giá hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái cỏ biển và đất ngập nước	Cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 3	Được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo.	01/7/2025
			Cụm từ “các huyện ven biển” tại Mục 1.2 Chương II của Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra khảo sát, đánh giá hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái cỏ biển và	Được thay thế bởi cụm từ “các xã có biển” tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông	

		vùng ven biển và hải đảo	đất ngập nước vùng ven biển và hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	tư quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo.	
154.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 37/2010/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật cho 10 công tác điều tra địa chất khoáng sản biển và hải đảo	Cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 3 Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại Mục 6 Chương 1 của Định mức kinh tế - kỹ thuật cho 10 công tác điều tra địa chất - khoáng sản biển và hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 37/2010/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
			Bảng 1 Mục 8 Chương 1 của Định mức kinh tế - kỹ thuật cho 10 công tác điều tra địa chất - khoáng sản biển và hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 37/2010/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
155.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên	Số 27/2011/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ	Cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” và cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo	Được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” và cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 17 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	01/7/2025

	và Môi trường	Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm nghiệm và hiệu chỉnh một số thiết bị đo đạc bản đồ biển	Thông tư số 27/2011/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại Điều 19.	của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 17 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
156.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 34/2011/TT-BTNMT ngày 01 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy định kỹ thuật thành lập bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:100.000 bằng phương pháp đo vẽ trực tiếp	Cụm từ “Trung tâm Hải văn thuộc Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 6 Điều 27. Cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 43.	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Khí tượng thủy văn” tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo. Được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
			Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại Điều 40 và Điều 43	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	

				quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
157.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 41/2011/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và môi trường biển, hải đảo	- Cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 3. - Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại điểm b Mục 3.2 Phần 1 của Định mức kinh tế - kỹ thuật lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 41/2011/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	- Được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 19 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo - Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 19 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
158.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 56/2013/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo từ biển theo tàu	Cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 32.	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
			Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 2 Điều 32	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	

				quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
159.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 72/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:100.000	Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại Điều 3 và điểm 2.2 Mục 2 Chương I Định mức kinh tế - kỹ thuật đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:100.000 ban hành kèm theo Thông tư số 72/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
			Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” tại Điều 3	Được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
160.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 10/2016/TT-BTNMT ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về nội dung, thời điểm báo cáo về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo	Cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 7 và khoản 1, khoản 2 Điều 9	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 22 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
			Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 3 Điều 2; Điều 6; Điều 7; điểm b khoản 1 Điều 8; khoản 1, 2 Điều 9 và khoản 4 Điều 10.	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 22 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định	

				thâm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
			Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 3 Điều 9.	Được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 22 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
161.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 18/2016/TT-BTNMT ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về hồ sơ tài nguyên hải đảo, hướng dẫn việc lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo	Điểm d khoản 2 Điều 5	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 5 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo.	01/7/2025
			Khoản 2 Điều 11	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 5 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo.	
			Khoản 2 Điều 15	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 5 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo.	
			Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường”	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường”	

			<p>trường” tại khoản 2 Điều 12 và khoản 2 Điều 14, khoản 3 Điều 16.</p> <p>Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 1 và khoản 3 Điều 10; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 11; khoản 1 Điều 12; Điều 13; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 15; mẫu số 06/QĐPD và mẫu số 07/QĐPDCN.</p> <p>Cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 12, khoản 2 Điều 14</p>	<p>và Môi trường” tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo</p> <p>Được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo</p> <p>Được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo</p>	
			Từ “-huyện:” tại Mẫu số 03/PTY	Được bãi bỏ bởi khoản 5 Điều 5 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT	
162.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc xây dựng, khai thác, sử dụng cơ sở	Cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1, 4 Điều 5; khoản 2 Điều 7; điểm e, g khoản 1 Điều 8; khoản 4 Điều 9; khoản 1 Điều 18.	Được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025

		dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 7; điểm e khoản 1 Điều 8; khoản 2 Điều 15; khoản 3 Điều 18.	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
			Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 3 và khoản 4 Điều 5; khoản 4 Điều 7; điểm b, đ, e, g khoản 1, điểm c khoản 4, điểm b, c khoản 6 Điều 8; khoản 4 Điều 9.	Được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
			Điểm a khoản 1 Điều 8	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 6 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
163.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 26/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết tiêu chí phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo và	Cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 17	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 23 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
			Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 1, khoản 3 Điều 17.	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 23 Thông tư	

		hướng dẫn việc phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo		số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
164.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 29/2016/TT-BTNTM ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển	Cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 33	Được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
			Cụm từ “Tổng cục Thống kê” tại điểm a, khoản 2 Điều 4	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Thống kê” tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo.	
			Cụm từ “Cục thống kê cấp tỉnh” tại điểm a, khoản 2 Điều 4	Được thay thế bằng cụm từ “Chi Cục thống kê cấp tỉnh” tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
			Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 1 Điều 33; khoản 2 Điều 35.	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	

				<p>quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo</p> <p>“tên viết tắt của cấp huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh” tại ghi chú trên mặt mộc tại Phụ lục 5 Quy cách mộc giới hành lang bảo vệ bờ biển ban hành kèm theo Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” tại Phụ lục 6 và Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>Được bãi bỏ bởi khoản 4 Điều 7 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo</p> <p>Được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 5 Điều 7 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo.</p>	
165.	<p>Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>Số 06/2017/TT-BTNMT ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác điều tra địa chất khoáng sản biển độ sâu từ 300 đến 2.500m nước và đánh giá tiềm năng</p>	<p>Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại Điều 3, điểm 6.5 Mục 6 và Mục 7 Phần I của Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác điều tra địa chất khoáng sản biển độ sâu từ 300 đến 2.500m nước và đánh giá tiềm năng khí hydrate các vùng biển Việt Nam tỷ lệ 1:500.000 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BTNMT ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” tại Điều 3</p>	<p>Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 24 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo</p> <p>Được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 24 Thông tư số</p>	01/7/2025	

		khí hydrate các vùng biển Việt Nam tỷ lệ 1:500.000		15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
166.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 49/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ	<p>Cụm từ “Tổng cục Thống kê” tại điểm a, khoản 2 Điều 5.</p> <p>Cụm từ “Cục thống kê cấp tỉnh” tại điểm a, khoản 2 Điều 5.</p> <p>Cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 19</p> <p>Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 1, khoản 2 Điều 21</p>	<p>Được thay thế bởi cụm từ “Cục Thống kê” tại khoản 1 Điều 25 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT</p> <p>Được thay thế bởi cụm từ “Chi Cục thống kê cấp tỉnh” tại khoản 1 Điều 25 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT</p> <p>Được thay thế bởi cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 2 Điều 25 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo</p> <p>Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 25 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo</p>	01/7/2025
167.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 57/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 62 Quy định kỹ thuật điều tra, khảo sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển độ sâu từ 20m nước trở lên	Được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp,	01/7/2025

	trường	trường ban hành quy định kỹ thuật điều tra, khảo sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển độ sâu từ 20m nước trở lên bằng tàu biển	bằng tàu biển ban hành kèm theo Thông tư số 57/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại Điều 3 và khoản 2 Điều 62 của Quy định kỹ thuật điều tra, khảo sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển độ sâu từ 20m nước trở lên bằng tàu biển ban hành kèm theo Thông tư số 57/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 26 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
168.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 58/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật hệ thống trạm quan trắc sóng và dòng chảy bề mặt biển bằng rada	Cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12 của Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật hệ thống trạm quan trắc sóng và dòng chảy bề mặt biển bằng rada ban hành kèm theo Thông tư số 58/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại Điều 3, Điều 4	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 27 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
169.	Thông tư của Bộ	Số 63/2017/TT-BTNMT ngày 22	Cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 31	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 28 Thông tư	01/7/2025

	trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:5.000		số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
			Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại điểm a khoản 9 Điều 18, Điều 31	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 28 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
170.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 74/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ	Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 2 Điều 18	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
			Cụm từ “Tổng cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 18	Được thay thế bởi cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
			Cụm từ “các huyện, thị ven biển và hải đảo” tại Mục IV Phụ lục ban hành kèm	Được thay thế bởi cụm từ “các xã, đặc khu ven biển và hải đảo” tại khoản 2 Điều 8	

			theo Thông tư số 74/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
171.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 01/2018/TT-BTNMT ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật hệ thống quan trắc sóng và dòng chảy bề mặt biển và rada	Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại Điều 3, Điều 4.	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 29 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
172.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 22/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:5.000	Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại Điều 3. Điểm a Mục 1.2.2 Chương II của Định mức kinh tế - kỹ thuật đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:5000 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025

173.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 33/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy trình khắc phục sự cố tràn dầu trên biển	Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 4 Điều 15, khoản 3 Điều 21, Phụ lục 05.	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo.	01/7/2025
			Cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 21.	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
			Cụm từ “Có đường liên huyện” tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Được bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 10 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
174.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đánh giá chất nạo vét để nhận chìm ở biển và xác định khu	Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 2 Điều 24.	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 30 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo.	01/7/2025
			Cụm từ “Tổng cục Thống kê” tại điểm a khoản 2 Điều 7, điểm a khoản 2 Điều	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Thống kê” tại khoản 2 Điều 30 Thông tư số 15/2025/TT-	

		vực biển để nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam	16. Cụm từ “Cục thống kê cấp tỉnh” tại điểm a khoản 2 Điều 7, điểm a khoản 2 Điều 16.	BNNMT. Được thay thế bởi cụm từ “Chi Cục thống kê cấp tỉnh” tại khoản 2 Điều 30 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
175.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 19/2020/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục chất phân tán được phép sử dụng trong vùng biển Việt Nam và hướng dẫn về quy trình sử dụng chất phân tán trong ứng phó sự cố tràn dầu trên biển	Cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 11	Được thay thế bởi cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 31 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
			Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 2 Điều 4, điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 13	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 31 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
			Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 11	Được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 31 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
176.	Thông tư	Số 18/2021/TT-	Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 11	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 31 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025

	của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường	trường” tại Điều 1, khoản 2 Điều 2, khoản 8 Điều 3, khoản 2 Điều 4.	và Môi trường” tại Điều 32 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
177.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 24/2023/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, khảo sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển độ sâu từ 20m nước trở lên bằng tàu biển	Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 1, khoản 2 Điều 4, điểm 6.7 Mục 6 Phần I của Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, khảo sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển độ sâu từ 20m nước trở lên bằng tàu biển ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 33 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
178.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 13/2024/TT-BTNMT ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế -	Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 1, khoản 3 Điều 4, điểm 6.7 mục 6 Phần I Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, khảo sát hải văn, hóa học và môi trường vùng ven bờ và hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 13/2024/TT-BTNMT ngày 21 tháng	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 34 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025

		kỹ thuật điều tra, khảo sát hải văn, hóa học và môi trường vùng ven bờ và hải đảo	08 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.		
179.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 17/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại và lập hồ sơ bồi thường thiệt hại về môi trường do sự cố tràn dầu xảy ra trong vùng biển Việt Nam	Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 3 Điều 16.	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 35 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
180.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 31/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật điều tra, khảo sát hải văn, môi trường vùng ven bờ và hải đảo	Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 1, khoản 3 Điều 41.	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 36 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
181.	Thông tư của Bộ	Số 52/2024/TT-BTNMT ngày 31	Cụm từ “cấp quận, huyện ven biển” tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 4; Các	Được thay thế bởi cụm từ “các xã, phường ven biển” tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số	01/7/2025

	trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết bộ chỉ số và việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	chỉ số 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 21 của Phụ lục I, II, III, V ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024	15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
			Cụm từ “quận/huyện/thành phố/thị xã?” tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Được thay thế bởi cụm từ “xã/phường/đặc khu?” tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
			Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 10, khoản 3 Điều 11.	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
182.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 03/2025/TT-BTNMT ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phạm vi điều tra cơ bản về tài nguyên điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới trên lãnh thổ	Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 1 Điều 30	Được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 37 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	01/7/2025
			Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 4 khoản 5 Điều 4, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 22,	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 37 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định	01/7/2025

		Việt Nam	khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 28, khoản 1 khoản 2 Điều 30.	thâm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo	
II.11. Lĩnh vực Quản lý đất đai					
183.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Điều 6	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
			Điểm a khoản 2 Điều 16	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
			Điểm d khoản 3 Điều 17	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
			Khoản 3 Điều 21	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
			Mục 8 phần I Phụ lục V	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 3 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
			- Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm c khoản 1 Điều 3, khoản 6 Điều 4, khoản 8 Điều 8, khoản 11 Điều 12, khoản 5 Điều 14, khoản 2 và khoản 3 Điều 15, khoản 2 và khoản 3 Điều 21, khoản 1, 3 và 4	Được thay thế bởi điểm a khoản 2 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025

		<p>Điều 22, khoản 1, 3 và 5 Điều 23, khoản 5 và khoản 6 Điều 24, khoản 2 Điều 25, khoản 3 Điều 26, Phụ lục I, II, III, IV, V, VI;</p> <ul style="list-style-type: none">- Cụm từ “Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai” bằng cụm từ “Cục Quản lý đất đai” tại khoản 2 Điều 26;- Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 26;- Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 4 Điều 8, khoản 5 Điều 12, điểm d khoản 2 Điều 21;- Cụm từ “theo từng tỉnh, thành phố” bằng cụm từ “theo tỉnh, thành phố” tại điểm a khoản 3 Điều 16;- Cụm từ “Đối với bản đồ hiện trạng sử dụng đất các vùng kinh tế - xã hội thể hiện đến đường địa giới đơn vị hành chính cấp huyện. Đối với bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thể hiện đến đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã.” bằng cụm từ “Đối với bản đồ hiện trạng sử dụng đất các vùng kinh tế - xã hội thể hiện đến đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã.” tại điểm a khoản 3 Điều 17;- Từ “1:1.000” bằng từ “1:2.000” tại		
--	--	---	--	--

			<p>điểm c khoản 1 Điều 18;</p> <ul style="list-style-type: none">- Từ “huyện” bằng từ “tỉnh” tại khoản 1 Điều 22, khoản 1 Điều 23, khoản 3 Điều 24;- Từ “c” bằng từ “d” tại điểm a khoản 1 Điều 22;- Cụm từ “trên trực tiếp” bằng từ “tỉnh” tại khoản 4 Điều 22, điểm a khoản 5 Điều 23;- Cụm từ “Ghi tên đơn vị hành chính cấp huyện đối với trường hợp thống kê, kiểm kê đất đai cấp tỉnh;” bằng cụm từ “Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã đối với trường hợp thống kê, kiểm kê đất đai cấp tỉnh” tại Biểu 03/TKKK Phụ lục I;- Cụm từ “cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã/” tại Phụ lục IV;- Cụm từ “Tên xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Tên xã, phường, đặc khu” tại khoản 1 Điều 2, điểm b khoản 1 Điều 3, số thứ tự 115 mục 6 Phần II Phụ lục V, số thứ tự 11 mục I phần III Phụ lục V;- Cụm từ “XÃ ĐỨC LONG” bằng cụm từ “Xã A”, cụm từ “XÃ THUY HÙNG” bằng cụm từ “Xã B”, Cụm từ “XÃ DANH SĨ” bằng cụm từ “Xã C”, Cụm từ “HUYỆN PHỤC HÒA” bằng cụm từ “Xã D” tại điểm a mục 7 Phần		
--	--	--	---	--	--

		<p>II Phụ lục V;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “TỈNH CAO BẰNG” bằng cụm từ “TỈNH X”, cụm từ “TỈNH LANG SƠN” bằng cụm từ “TỈNH Y” tại điểm a mục 7 Phần II Phụ lục V; - Cụm từ “Tên thành phố trực thuộc TW” bằng cụm từ “Tên thành phố” tại số thứ tự 110 mục 6 Phần II Phụ lục V; - Thay thế tên huyện và ký hiệu đường địa giới hành chính cấp huyện bằng tên xã và ký hiệu đường địa giới hành chính cấp xã tại mẫu khung quy định tại điểm a mục 7 Phần II Phụ lục V; - Cụm từ “PHƯỜNG, THỊ TRẤN” bằng cụm từ “PHƯỜNG” tại điểm e mục 7 Phần II Phụ lục V; - Cụm từ “CÔNG CHỨC ĐỊA CHÍNH XÃ” bằng cụm từ “CƠ QUAN CÓ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI CẤP XÃ” tại điểm e mục 7 Phần II Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư. 		
		<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “ở quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cấp huyện);” tại điểm b khoản 5 Điều 4; - Điều 7, Điều 11, điểm c khoản 2 Điều 21, khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 22, khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 23, khoản 4 Điều 24, điểm b mục 7 Phần II Phụ lục V; 	<p>Được bãi bỏ bởi điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai</p>	<p>01/7/2025</p>

- | | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none">- Các cụm từ “cấp huyện,” “cấp huyện và”, “, cấp huyện” tại khoản 2, khoản 3 Điều 8, khoản 2 và khoản 4 Điều 12, Điều 16, điểm a và khoản 1 Điều 18, khoản 4 Điều 22, điểm a khoản 5 Điều 23, khoản 2 Điều 24, mục 2 phần VII của Phụ lục VI, mục 1 phần I của Phụ lục V;- Từ “1:1.000” tại điểm a khoản 6 Điều 18;- Cụm từ “cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện,” tại điểm d khoản 1, điểm a khoản 4 Điều 10;- Cụm từ “, Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 12;- Các cụm từ “huyện:...”, “huyện,” tại Phụ lục I, III, IV;- Cụm từ “Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã đối với trường hợp thống kê, kiểm kê đất đai cấp huyện;” tại Biểu 03/TKKK Phụ lục I;- Cụm từ “Công chức địa chính cấp xã” tại Phụ lục IV;- Cụm từ “cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện,” tại mục 2 Phần II của Phụ lục VI;- Cụm từ “Địa giới hành chính cấp huyện” tại mục 1 Phần II Phụ lục V;- Cụm từ “Tên thành phố trực thuộc tỉnh” tại số thứ tự 111 mục 6 Phần II Phụ lục V; | | |
|--|--|--|--|--|

- | | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none">- Cụm từ “Tên thị xã” tại số thứ tự 113 mục 6 Phần II Phụ lục V;- Cụm từ “Tên quận, huyện” tại số thứ tự 114 mục 6 Phần II Phụ lục V;- Cụm từ “Tên huyện lỵ” tại số thứ tự 118 mục 6 Phần II Phụ lục V;- Cụm từ “HUYỆN THẠCH AN” tại điểm a mục 7 phần II Phụ lục V;- Cụm từ “MẪU XÁC NHẬN VÀ KÝ DUYỆT BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN”, “UBND HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)”, “CƠ QUAN CÓ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI” tại điểm e mục 7 Phần II Phụ lục V;- Tên đối tượng, phân lớp, màu và thông số màu “Tên huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tên huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh lân cận” tại số thứ tự 10 mục I Phần III Phụ lục V;- Tên đối tượng, phân lớp, màu, thông số màu, tên, kiểu ký hiệu (dạng đường): “Đường địa giới hành chính cấp huyện xác định”, “Đường địa giới hành chính cấp huyện chưa xác định” tại số thứ tự 18 và số thứ tự 19 mục II Phần III Phụ lục V; “Đường huyện nửa theo tỷ lệ” tại số thứ tự 31 mục IV Phần III Phụ lục V;- Tên đối tượng, phân lớp, màu, thông số màu, tên, kiểu ký hiệu (dạng điểm) “Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại số thứ | | |
|--|--|--|--|--|

			<p>tự 61 mục VII Phần III Phụ lục V;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ký hiệu 1:1.000 tại Phụ lục V; ký hiệu và tên ký hiệu: “Đường địa giới hành chính cấp huyện” tại số thứ tự 3 mục 1 Phần II Phụ lục V; “Trụ sở UBND cấp huyện” tại số thứ tự 9 mục 2 Phần II Phụ lục V; “Đường huyện” tại số thứ tự 23 mục 3 Phần II Phụ lục V; - Cột “cấp huyện” thể hiện loại đất trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất tại mục 8 Phần II Phụ lục V; - Cụm từ “, làm tròn số đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy (0,1 ha) đối với cấp huyện” tại mục 3 phần VI Phụ lục VI. 		
184.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm a khoản 4 Điều 15; khoản 3 Điều 19; Phụ lục I; - Cụm từ “Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai” bằng cụm từ “Cục Quản lý đất đai” tại khoản 1 Điều 19; - Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 19; Phụ lục I, Phụ lục IV, Phụ lục V; - Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm c khoản 2 Điều 5, điểm khoản 3 Điều 6, Phụ lục IV, Phụ lục V; - Cụm từ “cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã” 	Được thay thế bởi điểm a khoản 3 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025

			<p>bằng cụm từ “cấp tỉnh, cấp xã”; cụm từ “tổng hợp các mẫu biểu từ cấp xã lên cấp huyện và từ cấp huyện lên cấp tỉnh” bằng cụm từ “tổng hợp các mẫu biểu từ cấp xã lên cấp tỉnh”; cụm từ “Có công cụ để người dùng nhập tài liệu phi cấu trúc thông kê, kiểm kê cấp xã, huyện, tỉnh.” bằng cụm từ “Có công cụ để người dùng nhập tài liệu phi cấu trúc thông kê, kiểm kê cấp xã, cấp tỉnh.” tại điểm 3.5 Mục III Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư</p>		
			<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “lớp dữ liệu đường địa giới hành chính cấp huyện”, “lớp dữ liệu địa phận hành chính cấp huyện;” tại điểm b khoản 1 Điều 5; - Cụm từ “nhóm lớp dữ liệu thông kê, kiểm kê đất đai cấp huyện;” tại điểm đ khoản 2 Điều 5, cụm từ “nhóm dữ liệu thông kê, kiểm kê đất đai cấp huyện;” tại khoản 5 Điều 6; - Từ “từng” tại điểm c khoản 1 Điều 10; - Các cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện”, “Phòng Tài nguyên và Môi trường”, “công chức địa chính cấp xã” tại Phụ lục IV, Phụ lục V. 	Được bãi bỏ bởi điểm b khoản 3 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
185.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi	Số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi	Điểm b khoản 5 Điều 8	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
			Khoản 3 Điều 10	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 5	01/7/2025

trường	trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	
		Khoản 3 Điều 15	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
		Khoản 3 Điều 26	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
		Điểm b và điểm c khoản 1 Điều 38	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
		Phụ lục số 02	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
		Phụ lục số 03	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
		- Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 27, khoản 1, 2 và 3 Điều 30, khoản 3 Điều 45; - Cụm từ “Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai” bằng cụm từ “Cục	Được thay thế bởi điểm a khoản 4 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025

			<p>Quản lý đất đai” tại khoản 1 Điều 45;</p> <ul style="list-style-type: none">- Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 23, khoản 3, 4 Điều 28; khoản 1, 2, 3 Điều 30; điểm d khoản 1 Điều 38, khoản 3 Điều 45;- Cụm từ “Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội” tại khoản 5 Điều 15;- Cụm từ “quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch nông thôn” bằng cụm từ “quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp xã hoặc một trong các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn” tại điểm b khoản 1 Điều 11;- Cụm từ “ngày 29/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu” bằng cụm từ “ngày 29/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã X” tại điểm c khoản 17 Điều 13;- Cụm từ “huyện Từ Liêm thành quận Bắc Từ Liêm thì ghi: “Tên huyện thay đổi từ huyện Từ Liêm thành quận Bắc Từ Liêm”” bằng cụm từ “xã X thành xã Y thì ghi: “Thay đổi tên xã X thành xã Y”” tại khoản 21 Điều 13;- Cụm từ “huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố		
--	--	--	--	--	--

			<p>trực thuộc trung ương” bằng cụm từ “xã, phường” tại điểm b khoản 1 Điều 23;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã (trực tiếp là công chức làm công tác địa chính cấp xã)” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã (trực tiếp là cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã” tại điểm c khoản 2 Điều 23; - Cụm từ “quy hoạch sử dụng đất” bằng từ “quy hoạch” tại điểm a khoản 1 Điều 39. 		
			<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “thị trấn” tại khoản 1 Điều 2; - Từ “huyện” tại khoản 6 Điều 8; khoản 5 Điều 10; khoản 4 Điều 12; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 2 Điều 37; - Cụm từ “của ... (ghi tên và thông tin của bên chuyển quyền)” tại khoản 12 Điều 13; - Cụm từ “hoặc theo đơn vị hành chính cấp huyện nơi không thành lập đơn vị hành chính cấp xã” tại khoản 1 Điều 17; - Cụm từ “Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (sau đây gọi là Sở Tài nguyên và Môi trường), cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (sau đây gọi là Phòng Tài nguyên và Môi trường),” tại khoản 3 Điều 23; - Cụm từ “tọa độ đỉnh thừa” tại điểm a khoản 1 Điều 39; 	<p>Được bãi bỏ bởi điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai</p>	<p>01/7/2025</p>

			- Cụm từ “thị trấn hoặc theo cấp huyện đối với nơi không có đơn vị hành chính cấp xã” tại điểm 1 mục I Hướng dẫn thể hiện thông tin trên Sổ địa chính Mẫu số 01/ĐK, Phụ lục 06.		
			Khoản 2 Điều 38, nội dung d điểm 1, Hình 5 và Hình 5a Phụ lục số 03	Được bãi bỏ bởi điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai.	01/7/2025
186.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 11/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Điểm c khoản 1 Điều 5	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
			Chỉ tiêu số 2 Bảng 11/CLĐ Phân cấp chỉ tiêu đánh giá tính chất vật lý tại Phụ lục II	Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
			- Cụm từ “Quận/ huyện/ thị xã/ thành phố” bằng cụm từ “Xã/ Phường” tại cột B của: Mẫu số 03/QĐC, Mẫu số 05/QĐC, Mẫu số 08/QĐC, Mẫu số 15/QĐC, Mẫu số 18/QĐC, Mẫu số 21/QĐC Phụ lục I; - Cụm từ “Huyện...” bằng cụm từ “Xã...” tại dòng 1, 2, 3... của: Mẫu số 03/QĐC, Mẫu số 05/QĐC, Mẫu số 08/QĐC, Mẫu số 15/QĐC, Mẫu số 18/QĐC, Mẫu số 21/QĐC Phụ lục I; - Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm b khoản 1 Điều 5, điểm 1 Mẫu số 05/CLĐ, tại điểm 1	Được thay thế bởi điểm a khoản 5 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025

		<p>thuộc Mục B Phụ lục IV;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “Xã, huyện, tỉnh” bằng cụm từ “Xã, tỉnh” tại Mục 1 Mẫu số 02/QTĐ, Mục 3 Mẫu số 02/BVĐ Phụ lục VI; - Cụm từ “Vị trí (xã, huyện, tỉnh/phường, quận, thành phố)” bằng cụm từ “Vị trí (xã/phường, tỉnh/thành phố)” tại cột B của: Mẫu số 24a/QĐC, Mẫu số 38 24b/QĐC, Mẫu số 25a/QĐC, Mẫu số 25b/QĐC, Mẫu số 26/QĐC, Mẫu số 27/QĐC, Mẫu số 28/QĐC, Mẫu số 29/QĐC Phụ lục I; - Cụm từ “Tiếp giáp quốc lộ □, tiếp giáp tỉnh lộ □, tiếp giáp huyện lộ □, tiếp giáp xã lộ □, không tiếp giáp lộ □” bằng cụm từ “Tiếp giáp quốc lộ □, tiếp giáp đường tỉnh □, tiếp giáp đường xã □, không tiếp giáp đường giao thông □” tại Mẫu số 02/CLĐ Phụ lục I; - Cụm từ “Xã... Huyện... Tỉnh...” bằng cụm từ “Xã... Tỉnh...” tại mục 1 Mẫu số 04/CLĐ, Mẫu số 05/CLĐ Phụ lục II; Mẫu số 04/ONĐ Phụ lục IV, Mẫu số 02/QTĐ Phụ lục V; - Cụm từ “xã, liên xã” bằng cụm từ “xã”; “huyện, liên huyện” bằng cụm từ “liên xã” tại Mục II Mẫu số 27/CLĐ Phụ lục II. 		
		<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “Huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh)” tại mục 4 Mẫu số 01/QTĐ Phụ lục V; - Dòng STT4 thuộc Bảng số 30/CLĐ, 	<p>Được bãi bỏ bởi điểm a khoản 5 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai</p>	<p>01/7/2025</p>

			Bảng số 31/CLĐ, Bảng số 32/CLĐ Phụ lục II, Bảng số 20/THĐ Phụ lục III, Bảng số 06/ONĐ Phụ lục IV; dòng STT6, STT7 mục Phần Đ Phụ lục V; dòng STT5 Bảng số 05/BVĐ Phụ lục VI.		
187.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 12/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cá nhân hành nghề tư vấn định giá đất; khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về giá đất.	Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1, 2, 3 Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, khoản 2, 3 Điều 9, Phụ lục’;	Được thay thế bởi điểm a khoản 6 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
			Cụm từ “Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất” bằng cụm từ “Cục Quản lý đất đai” tại khoản 2 Điều 8.	Được thay thế bởi điểm b khoản 6 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
			Bỏ cụm từ “thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 1 Điều 5	Được bãi bỏ bởi điểm a khoản 6 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
188.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 25/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	- Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 59, khoản 2 Điều 93, khoản 2 Điều 94, khoản 2 Điều 113, khoản 2 Điều 140, sau khoản 3 Điều 142, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư; - Cụm từ “Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai” bằng cụm từ “Cục Quản lý đất đai” tại khoản 6 Điều 4, tại	Được thay thế bởi điểm a khoản 7 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025

		<p>khoản 1 Điều 142;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 142; - Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 6 Điều 4, khoản 2,3 Điều 41, khoản 2 Điều 44; - Cụm từ “Xã huyện tỉnh” bằng cụm từ “Xã tỉnh” tại Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV; - Cụm từ “Xã thuộc huyện” bằng cụm từ “Xã thuộc tỉnh.....” tại Phụ lục V; - Cụm từ “Huyện.../Tỉnh...” bằng cụm từ “Xã.../Tỉnh...”, cụm từ “Xã.../Huyện.../Tỉnh.../Vùng kinh tế - xã hội.../cả nước” bằng cụm từ “Xã.../Tỉnh.../Vùng kinh tế - xã hội.../cả nước”, cụm từ “Xã/Huyện.../Tỉnh.....” bằng cụm từ “Xã/ Tỉnh”; cụm từ “theo phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện hoặc cấp tỉnh” bằng cụm từ “theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã hoặc cấp tỉnh” tại Phụ lục VIII. 		
		<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “Đối với các đơn vị hành chính cấp huyện đã xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nhưng chưa đầy đủ dữ liệu của tất cả các đơn vị hành chính cấp xã thì xây dựng bổ sung để đảm bảo khép kín đơn vị hành chính cấp huyện.” tại khoản 6 Điều 4; 	<p>Được bãi bỏ bởi điểm b khoản 7 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai</p>	<p>01/7/2025</p>

			<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “, cấp huyện”, “cấp huyện,” tại điểm a khoản 3 Điều 8, điểm b khoản 1 Điều 59; điểm b khoản 1 Điều 60; - Cụm từ “hàng năm” tại khoản 2 Điều 41. 		
189.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính	Khoản 6 Điều 18	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 8 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
			Khoản 5 Điều 23	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 8 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
			Phụ lục số 01	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 8 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
			<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “theo từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” bằng cụm từ “theo tỉnh, thành phố” tại khoản 1 Điều 3; - Cụm từ “xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “xã, phường, đặc khu” tại điểm b khoản 2 Điều 5, điểm đ khoản 1 Điều 9; - Cụm từ “Huyện” và “Thị trấn” bằng từ “Xã”; ký tự “H.” bằng ký tự “X.” ở mẫu khung tại các điểm 1, 2, 3 và 4 mục III Phụ lục số 22 kèm theo Thông tư; - Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi 	Được thay thế bởi điểm a khoản 8 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025

		<p>trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 4 Điều 13, khoản 1 và khoản 2 Điều 25;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “công chức làm công tác địa chính ở xã, phường, thị trấn”; cụm từ “Công chức địa chính” bằng cụm từ “đại diện cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã” tại điểm b khoản 2 Điều 13; - Cụm từ “Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai” bằng cụm từ “Cục Quản lý đất đai” tại điểm đ khoản 1 Điều 25, khoản 2 Điều 29. 		
		<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ: “; tên của đơn vị hành chính huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố trung ương (sau đây gọi là cấp huyện)” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5; - Cụm từ “cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện” quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 và Phụ lục số 12b kèm theo Thông tư; - Cụm từ “Địa giới huyện DH”, “Địa giới huyện xác định”, “Địa giới huyện chưa xác định”, “Mốc địa giới huyện, số hiệu”, “huyện” tại mục I; cụm từ “huyện”, “mốc địa giới cấp huyện DH3” tại mục III Phụ lục số 21; - Cụm từ “HUYỆN: Mã:” Phụ lục số 18; - Cụm từ “thị trấn” tại các phụ lục số 	<p>Được bãi bỏ bởi điểm b khoản 8 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai</p>	<p>01/7/2025</p>

			07, 09, 13, 15, 16, 19 và 20; - Cụm từ “Huyện (quận, thị xã, thành phố)” tại các phụ lục số 16, 19 và 20.		
			Điểm b khoản 1 Điều 25; mục 4 Phụ lục số 12b.	Được bãi bỏ bởi điểm c khoản 8 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
190.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Khoản 4 và khoản 5 Điều 1	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 9 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
			Chương V	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 9 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
			- Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 64, khoản 3 Điều 65, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư; - Cụm từ “Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất” bằng cụm từ “Cục Quản lý đất đai” tại khoản 2 Điều 65; - Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 65; - Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, khoản 2 Điều 27, Điều 28; khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 32; trong các nội dung tại Phụ lục VI; - Cụm từ “huyện” bằng cụm từ “xã” tại	Được thay thế bởi điểm a khoản 9 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025

			<p>các Biểu số 01/CT, 04/CT, 05/CT, 06/CT, 07/CT, 08/CT, 09/CT, 16/CT; Phụ biểu số 01/PBCT; các Biểu số 01/TP, 04/TP, 05/TP, 06/TP, 07/TP, 08/TP, 09/TP; Phụ biểu số 01/PBTTP Phụ lục II;</p> <p>- Cụm từ “kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện” bằng cụm từ “kế hoạch sử dụng đất cấp xã” tại Điều 4;</p> <p>- Phụ lục IV bằng Phụ lục về quy hoạch, kế hoạch sử đất cấp xã kèm theo Thông tư này.</p>		
			Điều 63	Được bãi bỏ bởi điểm a khoản 9 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai	01/7/2025
II.12. Lĩnh vực Đo đạc và bản đồ					
191.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 23/2011/TT-BTNMT ngày 06/7/2011 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn hóa địa danh phục vụ công tác thành lập bản đồ	<p>Nội dung “Tổng hợp, lập bảng kết quả chuẩn hóa địa danh trên bản đồ địa hình theo đơn vị hành chính cấp tỉnh từ kết quả chuẩn hóa địa danh cấp huyện theo mẫu quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Quy chuẩn này;” bằng nội dung “Tổng hợp, lập bảng kết quả chuẩn hóa địa danh trên bản đồ địa hình theo đơn vị hành chính cấp tỉnh từ kết quả chuẩn hóa địa danh cấp xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Quy chuẩn này;” tại đoạn d điểm 1.2.2 Phần II.</p>	Được thay thế bởi khoản 1 Điều 12 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “Xã/Phường/Thị trấn” bằng cụm từ “Xã/Phường/Đặc khu” tại Phụ	Được thay thế bởi khoản 2 Điều 12 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm	01/7/2025

			lục số 10 và Phụ lục số 11.	2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
			Cụm từ “Huyện/Thành phố, Thị xã/Quận” tại Phụ lục số 10 và Phụ lục số 11.	Được bãi bỏ bởi khoản 3 Điều 12 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Các từ “Huyện” tại Phụ lục số 13.	Được bãi bỏ bởi khoản 4 Điều 12 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “Huyện/quận/thành phố/thị xã” và cụm từ “cấp huyện” tại Phụ lục số 15.	Được bãi bỏ bởi khoản 5 Điều 12 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Phụ lục số 12.	Được bãi bỏ bởi khoản 6 Điều 12 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Nội dung “xác minh địa danh tại đơn vị hành chính cấp huyện” tại đoạn d điểm 1.2.2 Phần II.	Được bãi bỏ bởi khoản 7 Điều 12 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các	01/7/2025

				Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
192.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 Quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp	Khoản 6 và khoản 7 Điều 4	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp	01/7/2025
			Điều 5	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp	01/7/2025
			Tiết c điểm 2.2 và tiết c điểm 2.3 khoản 2 Điều 6	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp	01/7/2025

			Khoản 3 Điều 7	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp	01/7/2025
			Khoản 5 Điều 8	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp	01/7/2025
			Điều 9	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp	01/7/2025
			- Điểm 4.2 khoản 4 Điều 10; - Tiết b điểm 4.5 khoản 4 Điều 10;	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20	01/7/2025

		<ul style="list-style-type: none"> - Tiết b điểm 4.8 khoản 4 Điều 10; - Điểm 4.9 khoản 4 Điều 10; - Khoản 5 Điều 10. 	<p>tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp</p>	
		Điều 11	<p>Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp</p>	01/7/2025
		Điều 12	<p>Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp</p>	01/7/2025
		<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ viết tắt “ĐGHC”, “địa giới hành chính” bằng cụm từ “địa giới đơn vị hành chính” tại các Điều: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 10; 	<p>Được thay thế bởi khoản 1 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của</p>	01/7/2025

		<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “Mốc ĐGHC được chia thành 3 cấp: xã, huyện, tỉnh” bằng cụm từ “Mốc địa giới đơn vị hành chính được chia thành 2 cấp: xã, tỉnh” tại khoản 1 Điều 8. 	<p>Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp</p>	
		<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “đường ĐGHC huyện, quận, thị xã thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là cấp huyện),” tại khoản 1 Điều 3; - Cụm từ “mốc ĐGHC cấp huyện,” tại khoản 2 Điều 3; - Cụm từ “hồ sơ địa giới hành chính cấp huyện,” tại khoản 6 Điều 3; - Cụm từ “đường ĐGHC cấp xã trùng với đường ĐGHC cấp huyện hoặc” tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 7; - Cụm từ “cấp huyện,” tại điểm 1.2 khoản 1, tiết c điểm 2.1 khoản 2, điểm 3.4 và điểm 3.5 Điều 7; - Từ “huyện” tại tiết a điểm 1.4 khoản 1 Điều 8; điểm c khoản 1 và điểm 4.1 khoản 4 Điều 10. 	<p>Được bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp</p>	01/7/2025
		<ul style="list-style-type: none"> - Tiết b điểm 2.3 khoản 2 Điều 6; - Khoản 2 Điều 10. 	<p>Được bãi bỏ bởi khoản 3 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp</p>	01/7/2025

			Phụ lục 01, Phụ lục 02, Phụ lục 03a, Phụ lục 03c, Phụ lục 04, Phụ lục 05, Phụ lục 06, Phụ lục 07, Phụ lục 08, Phụ lục 09, Phụ lục 10, Phụ lục 11 bằng Mẫu số 11, Phụ lục 12, Phụ lục 14, Phụ lục 15a, Phụ lục 15c, Phụ lục 16a, Phụ lục 16c, Phụ lục 17, Phụ lục 18, Phụ lục 19a, Phụ lục 19b, Phụ lục 19c.	Được thay thế bởi khoản 4 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp	01/7/2025
			Phụ lục 03b, Phụ lục 13, Phụ lục 15b, Phụ lục 16b	Được bãi bỏ bởi khoản 4 Điều 2 Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp	01/7/2025
193.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 46/2017/TT-BTNMT ngày 23/10/2017 Quy định xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính	Đoạn c điểm 3.4.4 khoản 3.4 Điều 3 của Phụ lục số 1	Được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 11 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Từ “huyện” tại đoạn a điểm 1.4.1 khoản 1.4 Điều 1 của Phụ lục số 1.	Được bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 11 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025

			Các cụm từ “Đoạn địa giới huyện”, “Đường địa giới huyện” tại điểm 3.1.2 khoản 3.1 Điều 3 của Phụ lục số 1.	Được bãi bỏ bởi khoản 3 Điều 11 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Các cụm từ “Địa phận huyện”, “Hải phận huyện” tại điểm 3.1.3 khoản 3.1 Điều 3 của Phụ lục số 1.	Được bãi bỏ bởi khoản 4 Điều 11 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “toàn huyện” tại đoạn c điểm 3.4.1 khoản 3.4 Điều 3 của Phụ lục số 1.	Được bãi bỏ bởi khoản 5 Điều 11 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “Đối tượng Mốc địa giới cấp huyện và Đoạn địa giới huyện” tại đoạn b điểm 3.4.4 khoản 3.4 Điều 3 của Phụ lục số 1.	Được bãi bỏ bởi khoản 6 Điều 11 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Các nội dung quy định tại đoạn b điểm 1.4.1 khoản 1.4 Điều 1 của Phụ lục số 1.	Được bãi bỏ bởi khoản 7 Điều 11 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Các nội dung về đối tượng “Đoạn địa giới huyện” và “Đường địa giới	Được bãi bỏ bởi khoản 8 Điều 11 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm	01/7/2025

			huyện” tại đoạn a điểm 3.4.4 khoản 3.4 Điều 3 của Phụ lục số 1.	2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
			Các nội dung quy định đối với các đối tượng địa lý sau: “Đoạn địa giới huyện” mã AC05, “Đường địa giới huyện” mã AC02, “Địa phận huyện” mã AD02, “Mốc địa giới cấp huyện” mã AG04, “Hải phận huyện” mã AE08 tại Phụ lục số 2.	Được bãi bỏ bởi khoản 9 Điều 11 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
194.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 06/2020/TT-BTNMT ngày 31/8/2020 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn thông tin địa lý cơ sở	Các nội dung quy định đối với các đối tượng địa lý sau: Địa phận hành chính cấp huyện mã AD01; Đường địa giới hành chính cấp huyện mã AD04; Mốc địa giới hành chính cấp huyện mã AD07; Địa phận hành chính cấp huyện trên biển mã AE01; Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biển mã AE04; Trụ sở UBND cấp Huyện mã CV07 tại điểm 2.2 Phụ lục G của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn thông tin địa lý cơ sở, mã số QCVN 42:2020/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BTNMT ngày 31/8/2020	Được bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
195.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 06/2022/TT-BTNMT ngày 30/6/2022 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình	Điểm 2.4.3 phần II	Được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025

	quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000	Đoạn a điểm 2.4.7 phần II	Được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
		Đoạn c điểm 2.4.7 phần II	Được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
		Đoạn đ điểm 2.4.7 phần II	Được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
		Một số tên ký hiệu sau: “Đường địa giới hành chính cấp tỉnh” bằng “Đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh”, “Đường địa giới hành chính cấp huyện” bằng “Đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã”, “Đường ranh giới hành chính cấp tỉnh trên biển” bằng “Đường ranh giới đơn vị hành chính cấp tỉnh trên biển”, “Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biển” bằng “Đường ranh giới đơn vị hành chính cấp xã trên biển”, “Tên xã, phường” bằng “Tên xã”, “Tên thị trấn” bằng “Tên phường, đặc khu” tại Phụ lục B.	Được thay thế bởi khoản 5 Điều 5 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025

			Cụm từ “địa giới hành chính” bằng cụm từ “địa giới đơn vị hành chính” tại điểm 2.4.1, điểm 2.4.5, điểm 2.4.6, điểm 2.5.9, điểm 2.7.4, điểm 2.9.7 phần II.	Được thay thế bởi khoản 6 Điều 5 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “tên huyện góc khung” tại đoạn g điểm 2.3.1 phần II.	Được bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “cấp huyện” tại điểm 2.5.6 phần II.	Được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Tên ký hiệu “Đường địa giới hành chính cấp xã”, “Đường ranh giới hành chính cấp xã trên biển”, “Ủy ban nhân dân cấp huyện”, “Tên quận, huyện”, “Tên thị xã” và ký hiệu kèm theo tại Phụ lục B.	Được bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 5 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Các danh từ chung và chữ viết tắt sau: “Thị xã”, “Quận”, “Huyện”, “Thị trấn” tại Phụ lục C.	Được bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Đoạn b điểm 2.4.7 phần II.	Được bãi bỏ bởi khoản 11 Điều 5 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm	01/7/2025

				2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
196.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 03/2023/TT-BTNMT ngày 27/6/2023 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000	Đoạn a điểm 2.3.6 phần II	Được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Đoạn c điểm 2.3.6 phần II	Được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “địa giới hành chính” bằng cụm từ “địa giới đơn vị hành chính” tại điểm 2.3.1, điểm 2.3.3, điểm 2.3.5, điểm 2.8.3, điểm 2.9.7 phần II.	Được thay thế bởi khoản 3 Điều 4 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại đoạn d điểm 2.4.1 phần II.	Được thay thế bởi khoản 4 Điều 4 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Một số tên ký hiệu sau: “Đường địa giới hành chính cấp tỉnh” bằng “Đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh”, “Đường địa giới hành chính cấp	Được thay thế bởi khoản 5 Điều 4 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các	01/7/2025

		<p>huyện” bằng “Đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã”, “Đường ranh giới hành chính cấp tỉnh trên biển” bằng “Đường ranh giới đơn vị hành chính cấp tỉnh trên biển”, “Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biển” bằng “Đường ranh giới đơn vị hành chính cấp xã trên biển”, “Tên xã, phường” bằng “Tên xã”, “Tên thị trấn” bằng “Tên phường, đặc khu” tại Phụ lục B.</p>	<p>Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý</p>	
		<p>Tên ký hiệu “Đường địa giới hành chính cấp xã”, “Đường ranh giới hành chính cấp xã trên biển”, “Ủy ban nhân dân cấp huyện”, “Tên quận, huyện”, “Tên thị xã” và ký hiệu kèm theo tại Phụ lục B.</p>	<p>Được bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý</p>	<p>01/7/2025</p>
		<p>Các danh từ chung và chữ viết tắt sau: “Thị xã”, “Quận”, “Huyện”, “Thị trấn” tại Phụ lục C.</p>	<p>Được bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý</p>	<p>01/7/2025</p>
		<p>Các cụm từ sau: “Tên huyện góc khung”, “Tên huyện tiếp biên”. tại Phụ lục D.</p>	<p>Được bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý</p>	<p>01/7/2025</p>
		<p>Đoạn b điểm 2.3.6 phần II.</p>	<p>Được bãi bỏ bởi khoản 9 Điều 4 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các</p>	<p>01/7/2025</p>

				Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
197.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 08/2023/TT-BTNMT ngày 31/7/2023 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000	Các nội dung quy định đối với các đối tượng địa lý sau: Địa phận hành chính cấp huyện mã AD01; Đường địa giới hành chính cấp huyện mã AD04; Mốc địa giới hành chính cấp huyện mã AD07; Địa phận hành chính cấp huyện trên biển mã AE01; Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biển mã AE04; Trụ sở UBND cấp Huyện mã CV07 tại điểm 2.1 Phần II, tại Phụ lục A, tại Phụ lục B, tại Phụ lục D, tại Phụ lục E.	Được bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 2 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
198.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 11/2023/TT-BTNMT ngày 29/9/2023 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:250.000	Điểm 2.5.8.1 phần II như sau: “Thể hiện tên đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trong phạm vi mảnh bản đồ có trụ sở Ủy ban nhân dân cấp tương ứng”.	Được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm 2.3.1 phần II.	Được thay thế bởi khoản 2 Điều 6 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “địa giới hành chính” bằng cụm từ “địa giới đơn vị hành chính” tại điểm 2.3.1, điểm 2.3.3, điểm 2.3.5, điểm 2.5.4, điểm 2.9.8.1 phần II.	Được thay thế bởi khoản 3 Điều 6 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025

		<p>Một số tên ký hiệu sau: “Đường địa giới hành chính cấp tỉnh” thành “Đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh”, “Đường địa giới hành chính cấp huyện” thành “Đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã”, “Đường ranh giới hành chính cấp tỉnh trên biển” thành “Đường ranh giới đơn vị hành chính cấp tỉnh trên biển”, “Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biển” thành “Đường ranh giới đơn vị hành chính cấp xã trên biển” tại Phụ lục B.</p>	<p>Được thay thế bởi khoản 4 Điều 6 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý</p>	01/7/2025
		<p>Tên ký hiệu “Tên thị trấn” bằng “Tên xã, phường, đặc khu” tại Phụ lục B.</p>	<p>Được thay thế bởi khoản 5 Điều 6 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý</p>	01/7/2025
		<p>Cụm từ “Tên huyện” trong tên ký hiệu “Ghi chú đầu đường địa giới” bằng cụm từ “Tên xã, phường, đặc khu” tại Phụ lục B.</p>	<p>Được thay thế bởi khoản 6 Điều 6 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý</p>	01/7/2025
		<p>Tên ký hiệu và ký hiệu kèm theo của các ký hiệu sau: “Tên huyện lỵ trùng tên huyện”, “Tên huyện lỵ khác tên huyện” tại Phụ lục B.</p>	<p>Được bãi bỏ bởi khoản 7 Điều 6 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý</p>	01/7/2025
		<p>Các danh từ chung và chữ viết tắt sau: “Thị xã”, “Quận”, “Huyện”, “Thị trấn”</p>	<p>Được bãi bỏ bởi khoản 8 Điều 6 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm</p>	01/7/2025

			tại Phụ lục C.	2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
			Điểm 2.5.8.3, điểm 2.5.8.4 phần II.	Được bãi bỏ bởi khoản 9 Điều 6 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
199.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 17/2023/TT-BTNMT ngày 31/10/2023 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:500.000, 1:1.000.000	Điểm 2.5.7.1 phần II như sau: “Thể hiện tên đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trong phạm vi mảnh bản đồ có trụ sở Ủy ban nhân dân cấp tương ứng”.	Được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 7 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm 2.3.1, điểm 2.3.3 phần II.	Được thay thế bởi khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
			Cụm từ “địa giới hành chính” thành cụm từ “địa giới đơn vị hành chính” tại điểm 2.3.1, điểm 2.3.3, điểm 2.3.5, điểm 2.5.4, điểm 2.9.8.1 phần II.	Được thay thế bởi khoản 3 Điều 7 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
			Cụm từ “địa giới hành chính” bằng cụm từ “đường địa giới đơn vị hành chính” tại Phụ lục A.	Được thay thế bởi khoản 4 Điều 7 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các	

			Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
		Cụm từ “đường địa giới hành chính” bằng cụm từ “đường địa giới đơn vị hành chính” tại Phụ lục D, tại Phụ lục E.	Được thay thế bởi khoản 5 Điều 7 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
		Tên ký hiệu của các ký hiệu sau: “Đường địa giới hành chính cấp tỉnh” bằng “Đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh”, “Đường địa giới hành chính cấp huyện” bằng “Đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã”, “Đường ranh giới hành chính cấp tỉnh trên biên” thành “Đường ranh giới đơn vị hành chính cấp tỉnh trên biên”, “Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biên” thành “Đường ranh giới đơn vị hành chính cấp xã trên biên” tại Phụ lục B.	Được thay thế bởi khoản 6 Điều 7 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
		Tên ký hiệu “Tên thị trấn” bằng “Tên xã, phường, đặc khu” tại Phụ lục B.	Được thay thế bởi khoản 7 Điều 7 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
		Cụm từ “Tên huyện” trong tên ký hiệu “Ghi chú đầu đường địa giới” thành “Tên xã, phường, đặc khu” tại Phụ lục B.	Được thay thế bởi khoản 8 Điều 7 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và	

				thông tin địa lý	
			Tên ký hiệu và ký hiệu kèm theo của các ký hiệu sau: “Tên huyện lỵ trùng tên huyện”, “Tên huyện lỵ khác tên huyện” tại Phụ lục B.	Được bãi bỏ bởi khoản 9 Điều 7 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
			Các danh từ chung và chữ viết tắt sau: “Thị xã”, “Huyện” tại Phụ lục C.	Được bãi bỏ bởi khoản 10 Điều 7 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
			Điểm 2.5.7.3, điểm 2.5.7.4 phần II.	Được bãi bỏ bởi khoản 11 Điều 7 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
200.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31/10/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm	Cụm từ “cấp huyện” tại mục XI.3 Phụ lục 1a.	Được thay thế bởi khoản 1 Điều 14 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “cấp huyện” trong nội dung “Xác minh địa danh tại cấp xã, cấp huyện, tỉnh” tại mục X Phụ lục 1a.	Được bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 14 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	

		định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Mục XI.2 về Hồ sơ địa giới hành chính cấp huyện quy định tại Phụ lục 1a.	Được bãi bỏ bởi khoản 3 Điều 14 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
			Nội dung quy định sản phẩm giao nộp là “Kết quả chuẩn hóa địa danh cấp huyện” tại điểm 2 mục VII Phụ lục 2.	Được bãi bỏ bởi khoản 4 Điều 14 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
201.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 21/2023/TT-BTNMT ngày 30/11/2023 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000	Các đối tượng địa lý sau: Địa phận hành chính cấp huyện mã AD01 bằng Địa phận đơn vị hành chính cấp xã mã AD03; Đường địa giới hành chính cấp huyện mã AD04 bằng Đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã mã AD06; Địa phận hành chính cấp huyện trên biển mã AE01 bằng Địa phận đơn vị hành chính cấp xã trên biển mã AE03; Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biển mã AE04 bằng Đường ranh giới hành chính cấp xã trên biển mã AE06 tại điểm 2.1 Phần II, tại Phụ lục A, tại Phụ lục B, tại Phụ lục D, tại Phụ lục E.	Được thay thế bởi quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Đối tượng địa lý “Trụ sở UBND cấp Huyện mã CV07” tại điểm 2.1 Phần II, tại Phụ lục A, tại Phụ lục B, tại Phụ lục D, tại Phụ lục E.	Được bãi bỏ bởi khoản 3 Điều 3 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và	

				thông tin địa lý	
202.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 24/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình thành lập bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000 từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Cụm từ “Tên huyện tiếp biên” tại Phụ lục A và Phụ lục B.	Được bãi bỏ bởi khoản 3 Điều 8 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Các nội dung quy định đối với các đối tượng địa lý sau: Địa phận hành chính cấp huyện mã AD01, Đường địa giới hành chính cấp huyện mã AD04, Mốc địa giới hành chính cấp huyện mã AD07, Địa phận hành chính cấp huyện trên biển mã AE01, Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biển mã AE04, Trụ sở UBND cấp Huyện mã CV07 tại Phụ lục A và Phụ lục B.	Được bãi bỏ bởi khoản 4 Điều 8 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
			Các thông tin siêu dữ liệu là Huyện, Quận tại Phụ lục D.	Được bãi bỏ bởi khoản 5 Điều 8 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
203.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 27/2024/TT-BTNMT ngày 29/11/2024 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000,	Các cụm từ sau: “DiaPhanHanhChinhTrenDatLien” bằng “DiaPhanDonViHanhChinhTrenDatLien”, “DuongDiaGioiHanhChinh” bằng “DuongDiaGioiDonViHanhChinh”, “MocDiaGioiHanhChinh” bằng “MocDiaGioiDonViHanhChinh”, “DiaPhanHanhChinhTrenBien” bằng	Được thay thế bởi khoản 1 Điều 9 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025

		1:10.000	<p>“DiaPhanDonViHanhChinhTrenBien”, “DuongRanhGioiHanhChinhTrenBien” bằng “DuongRanhGioiDonViHanhChinhTr enBien” tại Phụ lục B.</p>		
			Các thông tin siêu dữ liệu là Huyện, Quận tại Phụ lục D.	Được bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
204.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 28/2024/TT-BTNMT ngày 29/11/2024 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ hành chính	Sửa đổi điểm 4.2 Phần I	Được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Sửa đổi điểm 4.3 phần I	Được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Sửa đổi điểm 4.2 Mục II.I.I	Được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Sửa đổi điểm 4.3 Mục II.I.I	Được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	01/7/2025

				trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
			Sửa đổi đoạn b điểm 3.5 Mục II.I.III	Được sửa đổi bởi khoản 5 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Sửa đổi điểm 5.3 Mục II.I.III	Được sửa đổi bởi khoản 6 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Sửa đổi điểm 5.4 Mục II.I.III	Được sửa đổi bởi khoản 7 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại Điều 1; Điều 2; điểm 4.5 Phần I; điểm 1.3 Mục II.I.I Phần II; điểm 2.1, điểm 2.3, điểm 3.1, điểm 4.5.3, điểm 5.6.4 của Mục II.I.III Phần II; Điều 2 Chương II.II Phần II; điểm 3.1.2, điểm 3.3.2, điểm 3.5.2, điểm 4.2.3 của Mục II.III.I Phần II; tại nội dung quy định chung của Mục II.III.II; Điều 1 Phần IV; tại cột nội dung biểu thị của Phụ lục C.	Được thay thế bởi khoản 8 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025

			Cụm từ “của huyện” bằng cụm từ “của xã, phường, đặc khu” tại điểm 1.3 Mục II.I.III.	Được thay thế bởi khoản 9 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Một số cụm từ tại đoạn a, đoạn b điểm 3.3 Mục II.I.III như sau: “các mốc địa giới hành chính cấp tỉnh, huyện” bằng “các mốc địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh”; “các mốc địa giới hành chính cấp xã” bằng “các mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã”.	Được thay thế bởi khoản 10 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “bản đồ hành chính cấp huyện” bằng “bản đồ hành chính cấp xã” tại đoạn b điểm 3.3 Mục II.I.III.	Được thay thế bởi khoản 11 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “cấp huyện, cấp xã” bằng cụm từ “cấp xã” tại đoạn a điểm 3.5 Mục II.I.III.	Được thay thế bởi khoản 12 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Một số cụm từ sau: “cấp huyện” bằng “cấp xã”, “huyện thành lập bản đồ hành chính được thể hiện nổi bật so với các huyện còn lại” bằng “đơn vị hành chính cấp xã thành lập bản đồ hành chính được thể hiện nổi bật so với các đơn vị hành chính cấp xã còn	Được thay thế bởi khoản 13 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025

			lại” tại điểm 5.6.2 Mục II.I.III.		
			Tên ký hiệu “Đường địa giới hành chính cấp huyện” bằng “Đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã” tại Phụ lục E.	Được thay thế bởi khoản 14 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “cấp huyện” thành “cấp xã” tại Phụ lục H.	Được thay thế bởi khoản 15 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Phụ lục B bằng Phụ lục kèm theo Thông tư này.	Được thay thế bởi khoản 16 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Cụm từ “cấp huyện” tại đoạn b điểm 4.1.8 Mục II.I.II, điểm 4.3.3 Mục II.I.II.	Được bãi bỏ bởi khoản 17 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Các danh từ chung và chữ viết tắt sau: “Thị xã”, “Quận”, “Huyện”, “Thị trấn” tại Phụ lục A.	Được bãi bỏ bởi khoản 18 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025

			Tên ký hiệu và ký hiệu kèm theo của các ký hiệu sau: Đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã, Tên thị trấn (trong bản đồ cấp huyện), Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Phụ lục E.	Được bãi bỏ bởi khoản 19 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Điểm 4.4 Mục II.I.I.	Được bãi bỏ bởi khoản 20 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Điểm 5.5 Mục II.I.III.	Được bãi bỏ bởi khoản 21 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Các thông tin về siêu dữ liệu là quận, huyện tại Phụ lục I.	Được bãi bỏ bởi khoản 22 Điều 13 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
205.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 34/2024/TT-BTNMT ngày 16/12/2024 Quy định kỹ thuật về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000 bằng	Các cụm từ sau: “DiaPhanHanhChinhTrenBien” bằng “DiaPhanDonViHanhChinhTrenBien”, “DuongRanhGioiHanhChinhTrenBien” bằng “DuongRanhGioiDonViHanhChinhTr enBien” tại Phụ lục I	Được thay thế bởi khoản 2 Điều 10 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Tên các đối tượng sau: “Tên huyện	Được thay thế bởi khoản 3 Điều 10 Thông tư	01/7/2025

		phương pháp đo sâu hồi âm và thành lập bản đồ địa hình đáy biển từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ tương ứng	góc khung” bằng “Tên xã, phường, đặc khu; “Tên huyện tiếp biên” bằng “Tên xã, phường tiếp biên” tại Phụ lục III	số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
			Các nội dung quy định đối với các đối tượng địa lý sau: Đường địa giới hành chính cấp huyện mã AD04, Đường ranh giới hành chính cấp huyện trên biển mã AE04, Trụ sở UBND cấp Huyện mã CV07 tại Phụ lục III	Được bãi bỏ bởi khoản 4 Điều 10 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
			Các thông tin siêu dữ liệu là Huyện, Quận tại Phụ lục V	Được bãi bỏ bởi khoản 5 Điều 10 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	01/7/2025
II.13. Lĩnh vực Khí tượng thủy văn					
206.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 09/2016/TT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, thẩm định kế hoạch tác động vào thời tiết	Cụm từ “Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” tại điểm a khoản 1 Điều 4	Được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 21/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 Ban hành Thông tư quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	01/7/2025
			Cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại các khoản 1, 5 và 6 Điều 4	Được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 2 Điều 5 Thông tư 21/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 Ban hành Thông tư quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	01/7/2025

			Cụm từ “Đơn vị hành chính cấp huyện” tại các khoản 1, 5 và 6 Điều 4	Được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị hành chính cấp tỉnh” tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 21/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 Ban hành Thông tư quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	01/7/2025
			Khoản 4 Điều 4	Được bãi bỏ bởi khoản 4 Điều 5 Thông tư 21/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 Ban hành Thông tư quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	01/7/2025
			Khoản 1 Điều 6	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 5 Thông tư 21/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 Ban hành Thông tư quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	01/7/2025
			Khoản 3 Điều 6	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 5 Thông tư 21/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 Ban hành Thông tư quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	01/7/2025
			Khoản 1 Điều 11	Được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 5 Thông tư 21/2025/TT-BNNMT ngày Thông tư số 18/2020/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự báo, cảnh báo bão, áp thấp nhiệt đới 19/6/2025 Ban hành Thông tư quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.	01/7/2025
207.	Thông tư, Bộ Tài	Số 22/2019/TT-BTNMT ngày	Điểm 2.7, điểm 2.12 tại QCVN 18:2019/BTNMT ban hành kèm theo	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 46/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 Ban hành Quy	30/6/2025

	nguyên và Môi trường	25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự báo, cảnh báo lũ	Thông tư số 22/2019/TT-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2019	chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	
208.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 18/2020/TT-BTNMT ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự báo, cảnh báo bão, áp thấp nhiệt đới	Điểm 2.8 tại QCVN 68:2020/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 18/2020/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2020	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 46/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.	30/6/2025

II.14. Lĩnh vực Địa chất và khoáng sản

209.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 26/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 quy định về thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 và Điều 28	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 33/2025/TT-BTNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt đề án, dự án, nhiệm vụ, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và công bố kết quả điều tra cơ bản địa chất.	02/7/2025
210.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ	Số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15/11/2023 sửa đổi	Điều 1	Hết hiệu lực bởi Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai	02/7/2025

	Tài nguyên và Môi trường	và bãi bỏ một số thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường		thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản	
211.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 21/2024/TT-BTNMT ngày 21/11/2024 quy định nội dung kỹ thuật của công tác điều tra, đánh giá tài nguyên và thăm dò khoáng sản đất hiếm phần đất liền	Điều 7 nội dung thăm dò khoáng sản đất hiếm và Chương III thăm dò khoáng sản đất hiếm tại các Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49 và Phụ lục III, Phụ lục IV.	Hết hiệu lực bởi Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.	02/7/2025
II.15. Lĩnh vực Môi trường, biến đổi khí hậu					
212.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu	Điều 1; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 16; Điều 17; Điều 18;	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2025/TT-BNNMT ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.	01/8/2025
			- Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” - Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”	- Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 21, mục II của Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT; - Được thay thế bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại mục II của Phụ lục	01/8/2025

			<p>- Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải”</p>	<p>I.2 và Phụ lục III.2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT; - Được thay thế bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” mục II của Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT.</p>	
			<p>- Từ “huyện” tại mục II, mục III và mục IV của Phụ lục I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT. - Cụm từ “Ví dụ, yêu cầu đánh giá rủi ro chi tiết đến cấp huyện, thì các chỉ số thành phần của hiểm họa tương ứng phải chi tiết đến cấp huyện” tại mục II của Phụ lục I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT. - Điều 14; khoản 1 và khoản 4 Điều 15; Phụ lục II; Phụ lục III.1 và Phụ lục III.4 của Phụ lục III.</p>	<p>Được bãi bỏ bởi Thông tư số 08/2025/TT-BNNMT ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.</p>	01/8/2025
213.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	<p>Điều 1; Khoản 1 Điều 7; Khoản 2, khoản 4, khoản 6, khoản 7 Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; điểm a khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 21; Điều 22; Điều 23; Khoản 3 Điều 29; điểm b và điểm đ khoản 2 Điều 30; Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 64; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 66; Điều 78; Điều 79.</p>	<p>Được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p>	28/02/2025
			<p>Điểm c khoản 2 Điều 64</p>	<p>Được bãi bỏ bởi khoản 1 Điều 3 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi</p>	28/02/2025

			hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	
		Mẫu số 23, 25 và Mẫu số 34 Phụ lục II	Được bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 3 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	28/02/2025
		Cụm từ “thị trấn, quận/huyện/thành phố” tại Phần ghi chú Mẫu số 04; Bãi bỏ cụm từ “cấp huyện” tại Mẫu số 09 Phụ lục I	Được bãi bỏ bởi điểm a khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu	01/7/2025
		Cụm từ “được đóng dấu treo của cơ quan thẩm định thành lập hội đồng hoặc cơ quan được giao thẩm định”	Được thay thế bởi cụm từ “được đóng dấu treo của cơ quan thẩm định thành lập hội đồng hoặc cơ quan được giao thẩm định hoặc cơ quan của người có thẩm quyền thành lập hội đồng” tại Mẫu số 07 và Mẫu số 16 Phụ lục II tại điểm b khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu	01/7/2025
		Cụm từ “UBND cấp huyện” tại Phần ghi chú Mẫu số 40 Phụ lục II	Được bãi bỏ bởi điểm b khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu	01/7/2025
		Cụm từ “huyện/quận, thị xã, thành phố;” tại Phụ lục 1 Mẫu số 40; Thay thế cụm từ “UBND huyện/quận/thị xã/TP trực thuộc tỉnh (trường hợp UBND tỉnh hoặc Sở TN&MT cấp	Được bãi bỏ bởi điểm b khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu	01/7/2025

			phép)” bằng cụm từ “UBND phường/xã/đặc khu (trường hợp Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Sở TN&MT cấp phép)” tại phần nơi nhận của Mẫu số 40, 41 và 43 Phụ lục II		
			Các cụm từ: “quận/huyện”, “huyện/quận, thị xã, thành phố” và “huyện” tại Mẫu số 01 Phụ lục V	Được bãi bỏ bởi điểm c khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu	01/7/2025
			Số thứ tự 2 và cụm từ “Mã danh mục Quận/Huyện” tại Mẫu số 02 Phụ lục V	Được bãi bỏ bởi điểm c khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu	01/7/2025
			Mẫu số 01 tại Phụ lục VI	Được thay thế bởi điểm d khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu	01/7/2025
			Cụm từ “xã/phường, thị trấn”	Được thay thế bởi cụm từ “xã/phường/đặc khu” tại bảng 1 Phụ lục II Mẫu số 03 Phụ lục VI tại điểm d khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu	01/7/2025
			Cụm từ “quận/huyện/xã”	Được thay thế bởi cụm từ "xã/phường/đặc khu" tại bảng 5 Phụ lục I Mẫu số 03 Phụ lục VI tại điểm d khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý	01/7/2025

			nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu	
		Cụm từ “quận/huyện” tại Bảng 1 Phụ lục II Mẫu số 03 Phụ lục VI	Được bãi bỏ bởi điểm d khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu	01/7/2025
		Cụm từ “quận/huyện”	Được thay thế bởi cụm từ “phường/xã/đặc khu” tại Bảng 3, 4, 5, 6 và Bảng 12 Phụ lục II, Phụ lục III, IV, V, VI và Phụ lục VII Mẫu số 03; Mẫu số 07 Phụ lục VI tại điểm d khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu	01/7/2025
		Cụm từ “quận/huyện”	Được thay thế bởi cụm từ “phường/xã/đặc khu” tại Mẫu số 03 và Mẫu số 04 Phụ lục VII tại điểm đ khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu	01/7/2025
		Từ “huyện” tại Mẫu số 06 Phụ lục VII	Được bãi bỏ bởi điểm đ khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu	01/7/2025
		Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường”	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 7, Điều 9, Điều 38, Điều 44, Điều 46, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 55, Điều 62, Điều 63, khoản 1, điểm d, đ khoản 2 Điều 64, Điều 65, Điều 68, Điều 69,	01/7/2025

			<p>Điều 71, khoản 4 Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022; Khoản 18 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 2 Điều 64 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT), Khoản 20 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 3 Điều 78 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT), Khoản 21 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 79 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT), Khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và tại các phụ lục: Mẫu số 02; phần Ghi chú, phần Nơi nhận Mẫu số 40, phần Ghi chú, phần Nơi nhận Mẫu số 41 Phụ lục II; phần Kính gửi Mẫu số 05, 06, 07, phần Ghi chú Mẫu số 15 Phụ lục III; phần Kính gửi Mẫu số 07 Phụ lục IV; Mẫu số 02 Phụ lục V; Mẫu số 01, 02 Phụ lục VII; Mẫu số 01, 02, 02a, 02b, 04 Phụ lục IX của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 16/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu</p>	
		Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”	Được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 43 Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10 tháng 01	01/7/2025

				năm 2022 tại khoản 7 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu	
			Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường”	Được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 5 Điều 42, khoản 3 Điều 63, điểm a khoản 5 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 68, điểm b khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 69, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 85 và Mẫu số 04, phần Nơi nhận Mẫu số 40, phần Nơi nhận Mẫu số 41 Phụ lục II, Mẫu số 07 Phụ lục IV của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tại khoản 8 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu	01/7/2025
214.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường	QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn	Hết hiệu lực thi hành bởi điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh	14/11/2025
		quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường	QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung	Hết hiệu lực thi hành bởi điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày	14/11/2025

		trường		15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh	
215.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 78/2010/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường	QCVN 43:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích	Hết hiệu lực thi hành bởi điểm c khoản 2 Điều 2 Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh	14/11/2025
216.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi và bãi bỏ một số thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Khoản 2 Điều 1	Hết hiệu lực thi hành bởi Thông tư số 08/2025/TT-BNNMT ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2022/TT BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.	01/8/2025
217.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp,	Điều 3	Hết hiệu lực thi hành bởi Thông tư số 08/2025/TT-BNNMT ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2022/TT BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.	01/8/2025

		phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu			
218.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025	Khoản 3 và khoản 4 Điều 13	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025	30/12/2025
		11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025	- Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 25 Điều 3, khoản 1 Điều 14 và khoản 3 Điều 18. -Cụm từ “MINISTRY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF VIET NAM” bằng cụm từ “MINISTRY OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF VIET NAM” và thay thế cụm từ “Ministry of	Được thay thế bởi Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm	30/12/2025

		và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025	Natural Resources and Environment (MONRE) of Viet Nam” bằng cụm từ “Ministry of Agriculture and Environment (MAE) of Viet Nam” tại Phụ lục 23 và Phụ lục 24. - Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 18 và Phụ lục 6.	2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025	
--	--	--	--	--	--

II.16. Lĩnh vực Chuyển đổi số

219.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.	Điều 13	Được bãi bỏ bởi Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	1/7/2025
------	--	--	---------	--	----------

C. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, TẠM NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2025¹

TT	Tên loại văn bản; cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH					
Lĩnh vực Quản lý Đê điều và Phòng, Chống thiên tai					
220.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014	Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai	Được thay thế bởi Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai	01/7/2021
221.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13/01/2020	Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai		01/7/2021
II. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG BAN HÀNH, LIÊN TỊCH BAN HÀNH					
II.1. Lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển và hải đảo					
222.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 38/2010/TT-BTNMT ngày 14/12/2010	Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật khảo sát, điều tra tổng hợp tài nguyên và môi trường biển bằng tàu biển	Được thay thế bởi Thông tư số 24/2023/TT-BTNMT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, khảo sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển độ sâu từ 20m nước trở lên bằng tàu biển.	15/02/2024
223.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 40/2010/TT-BTNMT ngày 24/12/2010	Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, khảo sát hải văn, hóa học và môi trường vùng ven bờ và hải đảo	Được thay thế bởi Thông tư số 13/2024/TT-BTNMT ngày 21/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, khảo sát hải văn, hóa học và môi trường vùng ven bờ và hải đảo.	07/10/2024
II.2. Lĩnh vực khí tượng thủy văn					
224.	Thông tư của	Số 70/2015/TT-	Quy định kỹ thuật đối với hoạt động	Được thay thế bởi Thông tư số 29/2023/TT-	15/02/2024

¹ Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ thuộc đối tượng của kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố

	Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	BTNMT ngày 29/12/2023	của các trạm khí tượng thủy văn tự động	BTNMT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Quy định kỹ thuật đối với hoạt động của các trạm khí tượng thủy văn tự động	
225.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 40/2016/TT-BTNMT ngày 19/12/2016	Quy định về quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong điều kiện bình thường	Được thay thế bởi Thông tư số 27/2023/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 29/12/2023 quy định chi tiết về quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong điều kiện bình thường	15/02/2024
226.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 26/2012/TT-BTNMT ngày 28/12/2012	Ban hành QCVN 47:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn.	Được thay thế bởi Thông tư số 22/2022/TT-BTNMT ngày 20/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn	20/6/2023
227.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 36/2016/TT-BTNMT ngày 08/12/2016	Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn.	Được thay thế bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTNMT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn	28/02/2023
II.3. Lĩnh vực chuyển đổi số					
228.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 46/2016/TT-BTNMT ngày 27/12/2016	Quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường	Được thay thế bởi Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	15/4/2022
229.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018	Quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng.		15/4/2022

D. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, TẠM NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2025²: Không có

² Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thuộc đối tượng của kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố